

**BÁO CÁO**  
**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11**  
**và một số công tác trọng tâm tháng 12/2023**

Trong tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo rà soát, đánh giá các nhiệm vụ, phần việc trong năm còn tồn đọng để dồn sức thực hiện; trình thông qua 11 Nghị quyết<sup>(1)</sup> tại kỳ họp thứ 11 (*chuyên đề*) – Hội đồng nhân dân tỉnh; hoàn thành các nội dung chuẩn bị trình kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực: Nhiều chỉ tiêu kế hoạch năm đã đạt và vượt<sup>(2)</sup>; thu ngân sách, tăng trưởng tín dụng, phát triển doanh nghiệp, HTX, giải ngân vốn đầu tư công, sản lượng nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp tăng khá so với cùng kỳ; tổ chức thành công sự kiện tổng kết Dự án SME Trà Vinh và kỷ niệm 22 năm quan hệ hợp tác Trà Vinh – Canada, Lễ hội Ok Om Bok gắn với Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam Bộ với nhiều hoạt động phong phú, ý nghĩa thiết thực; tổ chức Lễ kỷ niệm và các hoạt động chào mừng 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 gắn với thăm hỏi, động viên các Nhà giáo ưu tú, tiêu biểu, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp của ngành giáo dục tỉnh nhà; các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, công tác giảm nghèo, chăm lo đời sống nhân dân, đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả quan trọng; tội phạm về trật tự xã hội, ma túy, tệ nạn xã hội được tập trung ngăn chặn, đẩy lùi. Kết quả thực hiện cụ thể trên một số ngành, lĩnh vực như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

**1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh**

Trong tháng 11, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 92 cuộc họp, hội nghị; 14 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 22 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề

<sup>1</sup> 1. NQ về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 4).

2. NQ về danh mục và cơ chế phân cấp quyết định, điều chỉnh dự án đầu tư công trung hạn thuộc 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 tỉnh Trà Vinh.

3. NQ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023 (đợt 2).

4. NQ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu.

5. NQ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27/2/2023 của HĐND tỉnh.

6. NQ thông qua nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Cầu Quan, tỉnh Trà Vinh.

7. NQ sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

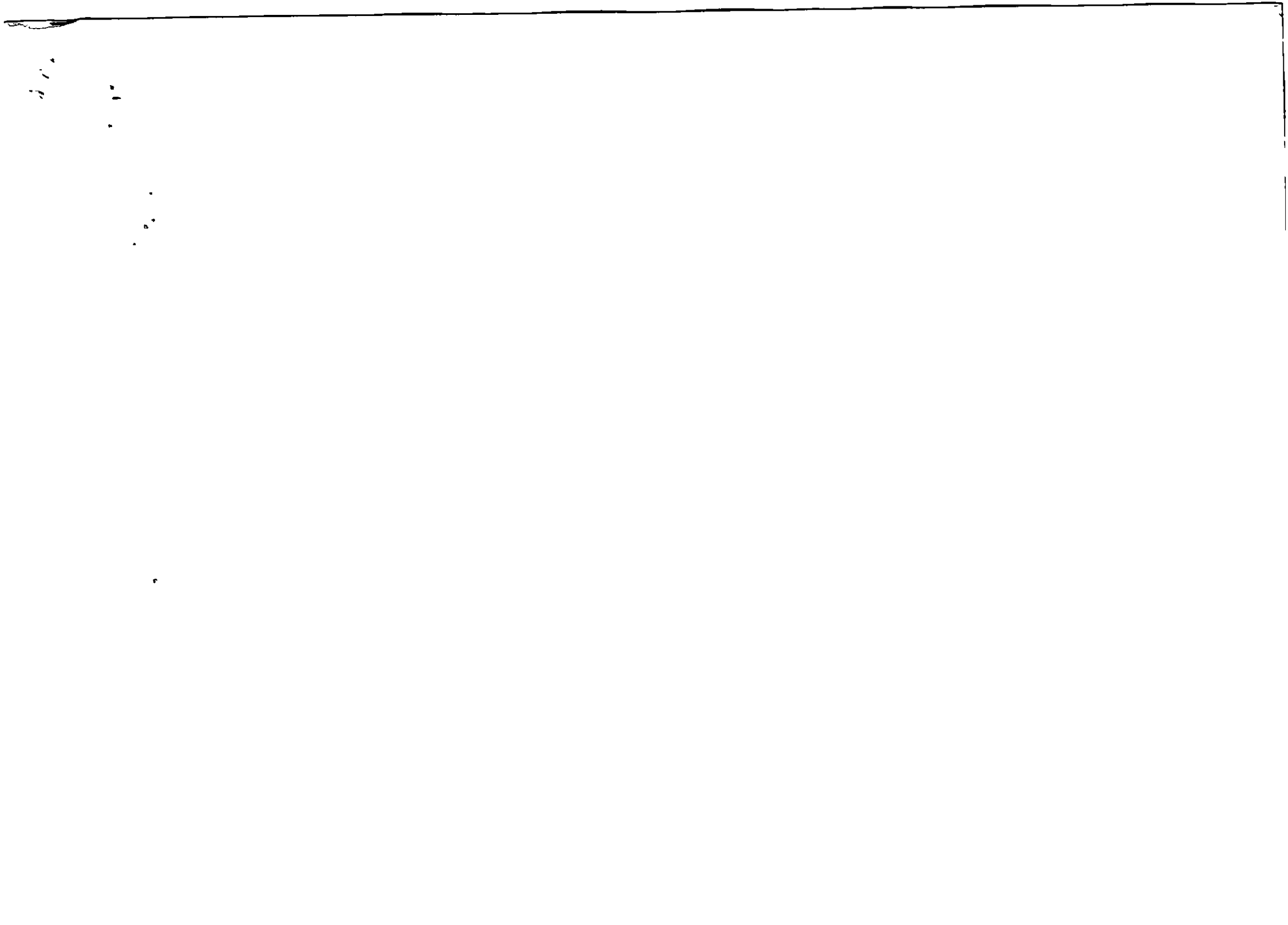
8. NQ về việc thông qua quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

9. NQ về việc thông qua quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

10. NQ về việc thông qua quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

11. NQ về việc thông qua quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

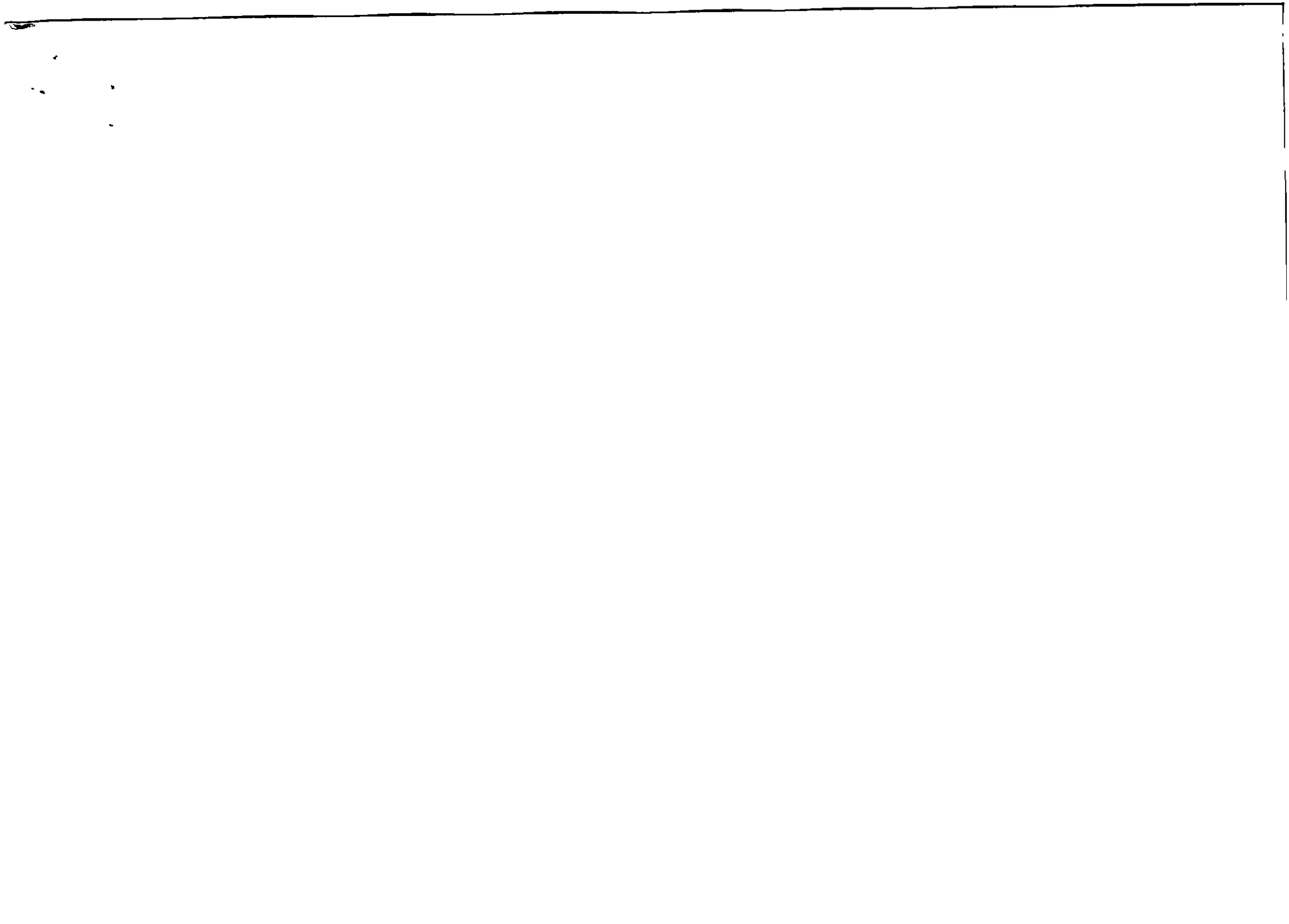
<sup>2</sup> Thành lập mới doanh nghiệp, HTX, tỷ lệ hộ sử dụng điện, đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, giảm nghèo, diện tích trồng lúa, thả nuôi thủy sản, đàn gia súc...



quan trọng như: Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Nghị định số 77/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ ban hành về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia; Quyết định số 1305/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động đến năm 2030; Quyết định số 27/2023/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công và lễ khánh thành công trình; Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025; Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giá số 16/2023/QH15; Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh Đề xuất Dự án “Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh”, vay vốn IFAD; Quyết định số 1251/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Chương trình tăng cường năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cấp quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương và giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử; Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

## **2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh**

Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 09 kế hoạch; 197 Quyết định cá biệt và 1.097 văn bản hành chính khác. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 20 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.



## II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN MỘT SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá; các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ

### 1.1. Kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục đôn đốc, tạo điều kiện cho nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai 04 dự án điện gió và dự án điện sinh khối, dự án Khu bến cảng tổng hợp Định An, Nhà máy sản xuất Hydro xanh Trà Vinh; hoàn thành công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cầu Đại Ngãi.

- Sản xuất nông nghiệp có sự chuyển đổi mạnh từ các loại cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp sang các loại cây trồng, vật nuôi hiệu quả kinh tế cao hơn<sup>(3)</sup>; tăng cường áp dụng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao<sup>(4)</sup> và mã số vùng trồng<sup>(5)</sup>. Chuyển đổi mạnh từ nuôi nhỏ lẻ sang nuôi tập trung, chất lượng con giống được cải thiện đáp ứng cho nhu cầu thị trường, các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học được áp dụng phổ biến mang lại hiệu quả cao<sup>(6)</sup>. Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025 (đến nay đã hoàn thành 05/08 tiêu chí tỉnh nông thôn mới).

- Tổ chức 12 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho 1.002 lượt cán bộ, công chức, viên chức<sup>(7)</sup>.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao điểm số và thứ hạng các chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, ICT Index, PAR Index. Thành lập Hội đồng thẩm định, ban hành Phương án điều tra, khảo sát, tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch và hướng dẫn chấm điểm, điều tra đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023.

- Duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu, chỉ đạo các đơn vị tăng cường tuần tra, giám sát bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nhân dịp Lễ hội Ok Om Bok gắn với Tuần lễ Văn hóa, Du lịch – Liên hoan ẩm thực

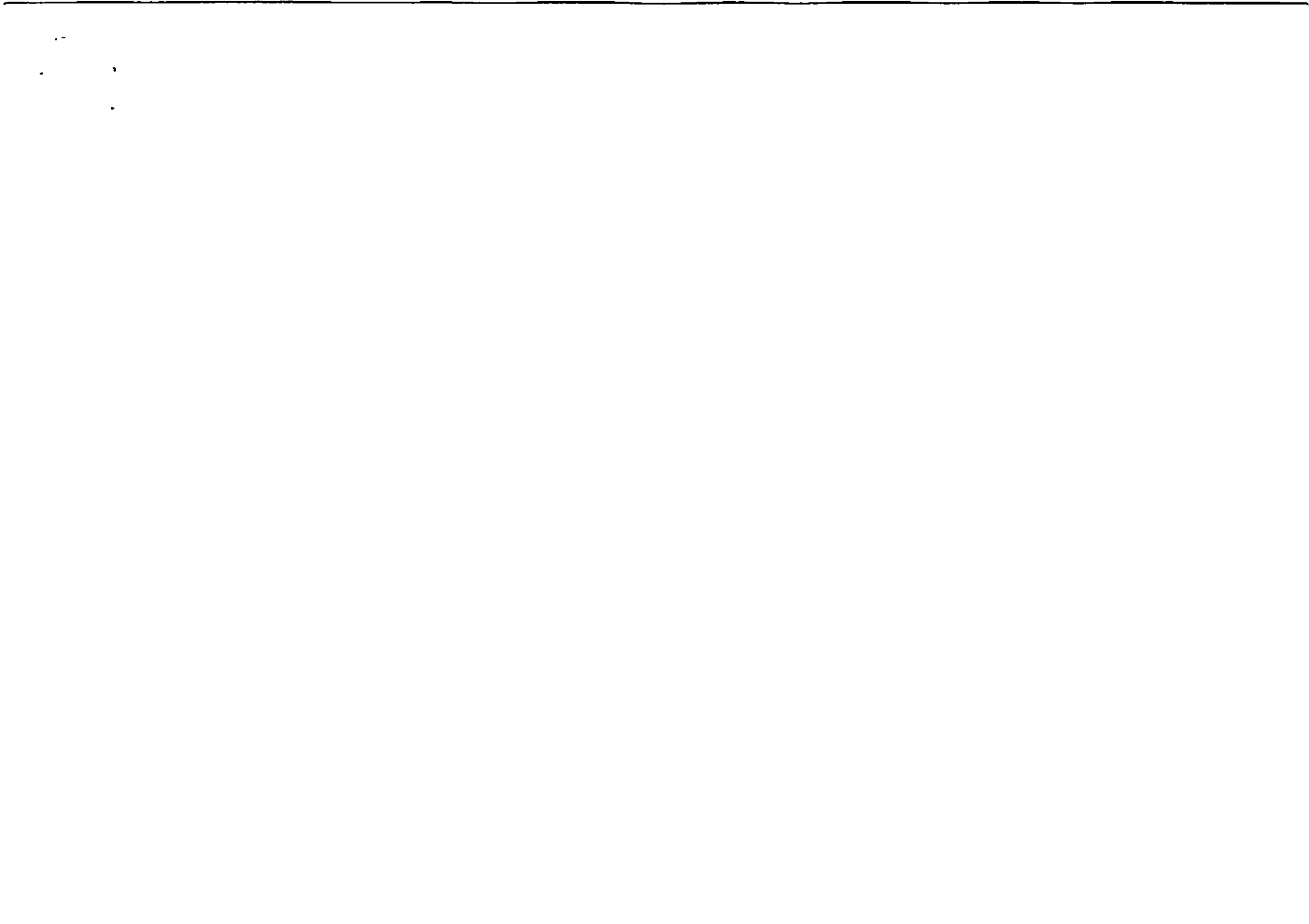
<sup>3</sup> Diện tích nuôi tôm đến nay đạt 31.634,6 ha (trong đó, nuôi thâm canh mật độ cao 1.073,64 ha); Có 40 hộ nuôi (diện tích 34,09 ha; 100 ao) trên địa bàn huyện Duyên Hải đăng ký nuôi đối tượng chủ lực và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi.

<sup>4</sup> Toàn tỉnh có 29.753,32 ha diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: sử dụng công nghệ tưới phun bán tự động 9.742 ha, ứng dụng công nghệ nhà lưới và thủy canh 12,91 ha, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và hữu cơ 8.551,41 ha (dừa hữu cơ 5.105,92 ha, lúa hướng hữu cơ 2.891,19 ha, rau an toàn 142 ha, cây ăn trái GAP 408,3 ha, nuôi thủy sản GAP 04 ha), diện tích nuôi nghề đạt chứng nhận ASC 433 ha và nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh 11.014 ha. Sản xuất và ứng dụng một số công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp đã mang lại hiệu quả đáng kể như nuôi cấy phôi thực vật nhân cây giống sạch bệnh (dừa sáp), phân bón nano, hệ thống quan trắc-ứng dụng điện toán đám mây, hệ thống tưới nước tự động, bẫy côn trùng thông minh phục vụ công tác dự tính, dự báo sâu bệnh. Đầu năm đến nay, toàn tỉnh có 1.562,62 ha đất trồng lúa chuyển sang các loại cây trồng khác và nuôi thủy sản: Chuyển sang trồng cây hàng năm khác 259,58 ha (Chuyển sang trồng bắp 94,3 ha, đậu phộng 15,8 ha, mía 3,4 ha, lác 5,1 ha, màu thực phẩm 102,73 ha, trồng cỏ 37,95 ha, cây hàng năm khác 0,3 ha); chuyển sang cây lâu năm 1.274,34 ha (chuyển sang trồng cây ăn trái 500,31 ha, dừa 774,33 ha), kết hợp và chuyển nuôi thủy sản 28,7 ha (kết hợp nuôi thủy sản 18,2 ha, chuyển nuôi thủy sản 10,5 ha); nâng cấp, cải tạo vườn kém hiệu quả 37 ha. Năng tổng số đến nay chuyển đổi 29.822,7 ha (chuyển sang trồng cây hàng năm 16.302,7 ha, chuyển sang trồng cây lâu năm 9.048,8 ha, kết hợp và chuyển nuôi thủy sản 4.471,2 ha) và có 3.052,72 ha đất trồng mía chuyển đổi sang trồng lúa, màu, trồng cỏ chăn nuôi bò, trồng dừa, cây ăn trái và nuôi thủy sản.

<sup>5</sup> Xây dựng, duy trì được khoảng 60 nhãn hiệu nông sản, cấp 74 mã số vùng trồng (50 mã số vùng trồng nội địa, 24 mã số vùng trồng xuất khẩu), 04 cơ sở đóng gói tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu nông sản của tỉnh và có 239 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP từng bước khẳng định vị thế của sản phẩm trên thị trường.

<sup>6</sup> Toàn tỉnh có 1.041 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng 640.100 con (gồm 04 trang trại chăn nuôi heo quy mô lớn, số lượng 7.800 con, 03 trang trại chăn nuôi gia cầm quy mô lớn với số lượng 36.000 con, 65 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô vừa, với 257.707 con, 969 trang trại gia súc, gia cầm quy mô nhỏ với số lượng 338.593 con); có 22 cơ sở chăn nuôi tham gia chuỗi liên kết.

<sup>7</sup> Cụ thể: Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp thực hiện các biện pháp phòng ngừa hành vi tham nhũng cho 174 cán bộ, công chức, viên chức; 01 lớp bồi dưỡng quản lý thông tin trong chuyển đổi số cho 124 cán bộ, công chức, viên chức; 03 lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kiến thức kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho 198 cán bộ; 02 lớp bồi dưỡng kiến thức, lý năng cho 199 công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; 01 lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức và năng lực của công chức, viên chức trong công tác bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu cho 83 công chức; 03 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho 224 cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo.



Nam bộ tỉnh Trà Vinh năm 2023. Nhiệm vụ cùng cố, xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh luôn 100% kế hoạch.

### 1.2. Kết quả thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá

- Triển khai Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình dự án khác, cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng đầu tư Khu Công nghiệp Cổ Chiên; theo dõi hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây<sup>(8)</sup>. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu triển khai nhanh chính quyền điện tử; hiện có 13 doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính với tổng số 162 điểm phục vụ<sup>(9)</sup>, 100% xã có điểm phục vụ bưu chính, đảm bảo cung cấp dịch vụ cho chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng, vận hành 75/106 trang thông tin điện tử xã, phường, thị trấn.

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc tình hình khắc phục sau kiểm tra cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2024. Triển khai Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023.

- Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất; công nhận 01 nhiệm vụ, phê duyệt 03 đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tổ chức nghiệm thu được 02 đề án khuyến nông<sup>(10)</sup>, lũy kế đến nay nghiệm thu được 13/17 đề án<sup>(11)</sup>, với tổng kinh phí thực hiện trên 4,91 tỷ đồng. Xây dựng, trình thẩm định và đăng ký 01 đề án Khuyến công quốc gia năm 2024 về "Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất gạch không nung". Vận hành thử nghiệm phần mềm ứng dụng di động (Mobile Application) cho Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Trà Vinh.

### 1.3. Kết quả thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, đến ngày 20/11/2023 đã giải ngân 186,459 tỷ đồng/615,825 tỷ đồng, đạt 30,3%, trong đó:

- Vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giải ngân 52,065 tỷ đồng/129,449 tỷ đồng, đạt 40,2% kế hoạch, gồm:

+ Vốn kế hoạch năm 2023 giải ngân là 45,480 tỷ đồng/110,283 tỷ đồng, đạt 41,2% kế hoạch;

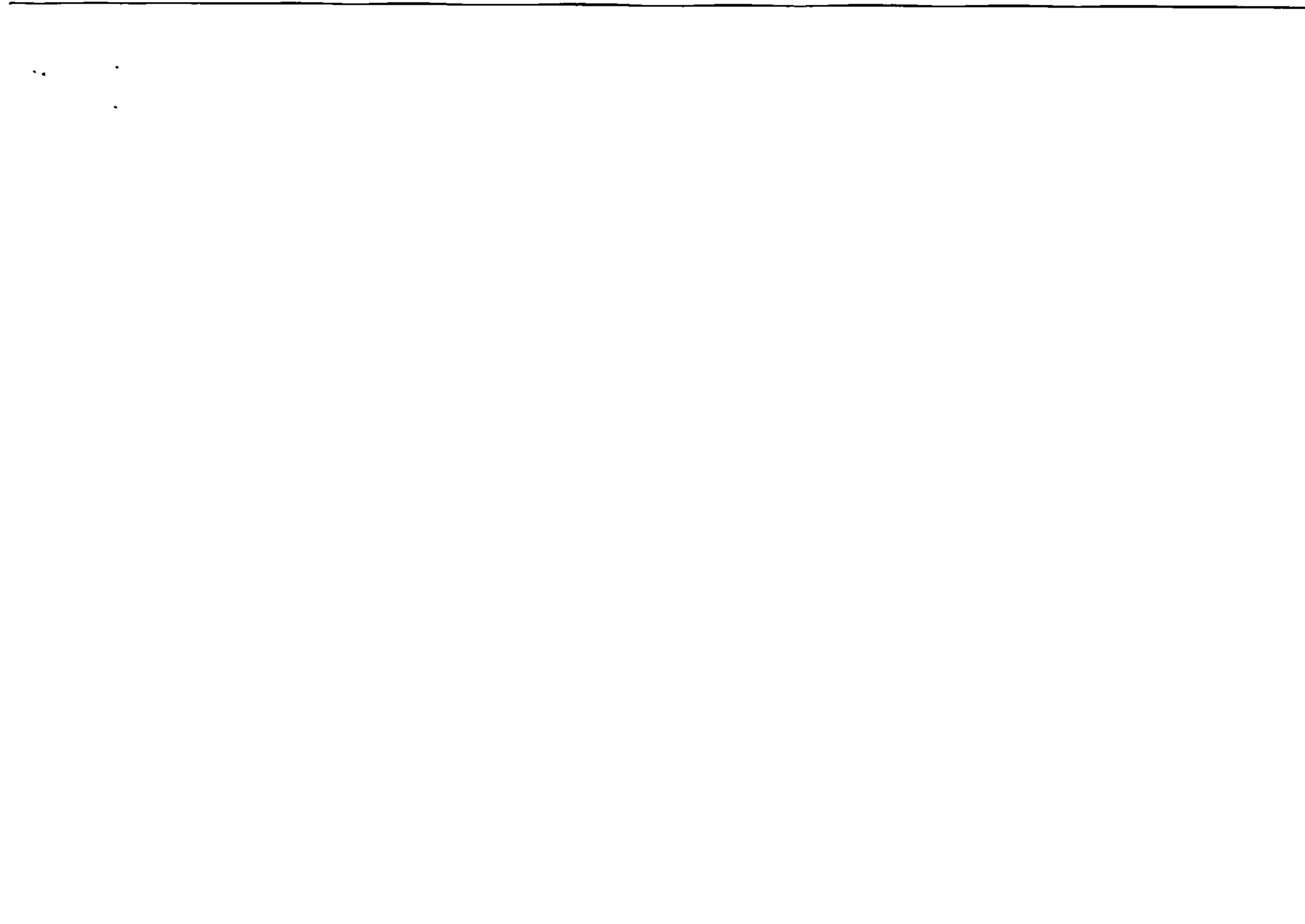
+ Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân là 6,585 tỷ đồng/19,160 tỷ đồng, đạt 34,4% kế hoạch.

<sup>8</sup> Đến nay, đầu tư hạ tầng đường nội bộ đạt khoảng 36%, hoàn thành hệ thống thoát nước mưa.

<sup>9</sup> Có 51 bưu cục, 83 điểm Bưu điện - Văn hóa xã và 28 điểm phục vụ hình thức khác.

<sup>10</sup> Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất bánh ngọt" tại Hộ kinh doanh Vĩnh Xương, địa chỉ số 118/7, Độc Lập, Khóm 2, Phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

<sup>11</sup> Trong đó: 02/17 đề án Khuyến công quốc gia, tổng kinh phí thực hiện 1.485.000.000 đồng, kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ là 500.000.000 đồng, vốn đối ứng của doanh nghiệp là 985.000.000 đồng; 11/17 đề án Khuyến công địa phương, tổng kinh phí thực hiện 3.429.938.680 đồng, kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ là 1.600.000.000 đồng, vốn đối ứng của cơ sở, doanh nghiệp là 1.829.938.680 đồng.





- Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giải ngân 11,228 tỷ đồng/79,180 tỷ đồng, đạt 14,2% kế hoạch, gồm:

+ Vốn kế hoạch năm 2023 giải ngân là 9,379 tỷ đồng/56,434 tỷ đồng, đạt 16,6% kế hoạch.

+ Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân 1,849 tỷ đồng/22,746 tỷ đồng, đạt 8,1% kế hoạch.

- Vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giải ngân 123,166 tỷ đồng/407,202 tỷ đồng, đạt 30,2% kế hoạch, gồm:

+ Vốn kế hoạch năm 2023 giải ngân 86,531 tỷ đồng/301,879 tỷ đồng, đạt 28,66% kế hoạch.

+ Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân 36,635 tỷ đồng/105,323 tỷ đồng, đạt 34,8% kế hoạch.

#### 1.4. Kết quả thực Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ

(1) Thực hiện các chính sách thông qua Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh: Kế hoạch năm 2023 giao chính thức thực hiện 03 chương trình<sup>(12)</sup> là 235 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến 20/11/2023, có 04 chính sách được tiếp tục giải ngân từ nguồn chuyển tiếp, giao mới và nguồn thu hồi các khoản vay trước với tổng số tiền được giải ngân là 197,17 tỷ đồng cho 5.231 lượt khách hàng vay; có 100 lượt khách hàng hoàn trả các khoản vay với tổng số tiền 2,34 tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay đến nay đạt 364,46 tỷ đồng với 9.176 lượt khách hàng, cụ thể như sau:

(i) Chính sách Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ: Trong tháng 11, Trung ương giao bổ sung kế hoạch năm 2023 là 200 tỷ đồng; giải ngân đầu năm đến nay được 159,97 tỷ đồng cho 4.571 lượt khách hàng vay, đạt 79,98% vốn kế hoạch. Dư nợ cho vay 299,97 tỷ đồng với 7.971 lượt khách hàng.

(ii) Chính sách Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập: Trong 11 tháng đầu năm cho 02 khách hàng vay 20 triệu đồng; thu hồi 66 triệu đồng từ 20 khách hàng; dư nợ 1,57 tỷ đồng với 154 khách hàng.

(iii) Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ: Kế hoạch vốn năm 2023 là 10 tỷ đồng; trong 11 tháng đầu năm cho 33 khách hàng vay 11,39 tỷ đồng (bao gồm thu hồi 1,39 tỷ đồng) (đạt 100% nguồn vốn); dư nợ 16,33 tỷ đồng với 50 khách hàng vay.

<sup>12</sup> (1) Chính sách Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ; Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; (2) Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022



(iv) Chính sách Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi Covid-19: Trong 11 tháng đầu năm không phát sinh cho vay; thu nợ 93 triệu đồng; dư nợ 387 triệu đồng với 06 khách hàng.

(v) Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022: Kế hoạch vốn năm 2023 là 25 tỷ đồng; trong 11 tháng đầu năm giải ngân cho 625 lượt khách hàng vay 25,798 tỷ đồng (bao gồm thu hồi 798 triệu đồng từ 77 khách hàng), đạt 100% nguồn vốn; dư nợ 46,20 tỷ đồng với 995 khách hàng.

(2) Thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP: Đã hỗ trợ 06 khách hàng<sup>(13)</sup> tiếp cận vốn vay với doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình đạt 16,62 tỷ đồng, dư nợ hỗ trợ lãi suất đạt 9,79 tỷ đồng (số tiền lãi hỗ trợ là 0,11 tỷ đồng).

(3) Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, Thủ tướng Chính phủ đã bố trí vốn cho 04 dự án với số vốn 295 tỷ đồng, đến 20/11/2023 giải ngân 241,185 tỷ đồng, đạt 81,8% kế hoạch.

## 2. Tài chính, ngân hàng

Thu ngân sách ước đạt 1.862 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng thu 14.921 tỷ đồng, đạt 115,79% dự toán, tăng 22,76% so với cùng kỳ<sup>(14)</sup> (thu nội địa 5.176 tỷ đồng, đạt 90,8% dự toán, tăng 7,69% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 945 tỷ đồng, đạt 77,48% dự toán); một số khoản thu tăng khá so với cùng kỳ như: (i) Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài gấp 1,6 lần; (ii) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng 22,27%; (iii) thu từ hoạt động xổ số kiến thiết tăng 31,59%; (iv) thu khác ngân sách tăng 23,74%; (v) Thu tiền sử dụng đất tăng 11,5%... Chi ngân sách 770 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng chi 7.840 tỷ đồng, đạt 66,34% dự toán, tăng 0,14% so với cùng kỳ.

Các tổ chức tín dụng (TCTD) chấp hành tốt việc giảm lãi suất huy động và lãi suất cho vay, 03 lần điều chỉnh giảm lãi suất huy động với tổng mức điều chỉnh từ 0,2-1,0%/năm ở tất cả các kỳ hạn, trong đó giảm sâu ở các kỳ hạn từ 03 tháng trở lên. Ước đến 30/11/2023, tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 48.170 tỷ đồng, tăng 7,31% so với cuối năm 2022, tổng dư nợ cho vay đạt 43.200 tỷ đồng, tăng 12,21% so với cuối năm 2022, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 60%, nợ xấu chiếm 1,34% tổng dư nợ. Các chương trình, chính sách tín dụng tiếp tục được triển khai đến các đối tượng khách hàng<sup>(15)</sup>.

## 3. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

### 3.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

#### a) Nông nghiệp

- Trồng trọt:

<sup>13</sup> Gồm 04 doanh nghiệp và 02 hộ kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ lưu trú, ăn uống.

<sup>14</sup> Tăng so với cùng kỳ do tăng thu nội địa, tăng thu chuyển nguồn cải cách tiền lương, tăng thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, phát sinh mới nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; (nếu loại trừ các khoản không giao dự toán thì đạt 92,61%, tăng 22,75% so với cùng kỳ).

<sup>15</sup> Cho vay nông nghiệp, nông thôn: 22 800 tỷ đồng (chiếm 52,78% tổng dư nợ); cho vay xuất khẩu: 670 tỷ đồng; cho vay DNNVV: 5.370 tỷ đồng; tín dụng chính sách 4.300 tỷ đồng...

.

.

+ Thu hoạch 13.178 ha lúa Hè Thu và Thu Đông<sup>(16)</sup>, xuống giống 220 ha lúa Thu Đông; lũy kế đến nay tổng diện tích lúa đã gieo sạ đạt 203.364 ha, đạt 100,96% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 2,17% (tương đương 4.320 ha); thu hoạch 138.876 ha, chiếm 68,29% diện tích xuống giống, năng suất bình quân 5,6 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,05 tấn/ha).

+ Gieo trồng 4.264 ha cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác; lũy kế đầu năm đến nay gieo trồng 52.726 ha<sup>(17)</sup>, đạt 100,27% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 2,94%, tương đương 1.506 ha); thu hoạch 44.035 ha với tổng sản lượng 1.128.930 tấn.

- Chăn nuôi, thú y: Bệnh dịch tả heo Châu Phi xuất hiện ở 01 hộ chăn nuôi tại xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè<sup>(18)</sup>, đầu năm đến nay dịch bệnh đã xảy ra tại 11 ấp, 10 xã, 05 huyện, thị xã<sup>(19)</sup>, toàn bộ đã được tiến hành tiêu hủy và xử lý đúng định. Ước đến tháng 11, đàn heo 305.544 con, đạt 109,12% kế hoạch (tăng 18.575 con so cùng kỳ); đàn gia cầm 6,49 triệu con, đạt 83,27% kế hoạch (giảm 733 ngàn con); đàn bò 256.800 con, đạt 104,82% kế hoạch (tăng 1.829 con); đàn dê 22.550 con, đạt 102,5% kế hoạch (tăng 185 con). Công tác tiêm phòng<sup>(20)</sup>, kiểm dịch<sup>(21)</sup> được tăng cường, thực hiện thường xuyên.

- Thủy lợi nội đồng, phòng chống thiên tai: Nghiệm thu và hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình thủy lợi<sup>(22)</sup>. Đầu năm đến nay đã tổ chức 211 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, kè, phát hiện và xử lý 40 trường hợp vi phạm. Do ảnh hưởng mưa lớn (đêm 09/11 và sáng 10/11/2023) đã gây ngập khoảng 13.000 chầu hoa phục vụ Tết nguyên đán, 5,9 ha màu và 125,5 ha lúa<sup>(23)</sup>; triều cường làm sạt lở 17,39 ha rừng (bần chua) tại xã Long Hòa, huyện Châu Thành, chính quyền địa phương đã phối hợp người dân khắc phục thiệt hại.

#### b) Lâm nghiệp:

Triển khai thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023 và năm 2024; khảo sát khu vực trồng rừng năm 2024. Tổ chức 74 lượt tuần tra bảo vệ rừng, lũy kế đầu năm đến nay thực hiện 899 lượt tuần tra xử lý 06 trường hợp vi phạm<sup>(24)</sup>. Trồng mới 50 ha rừng<sup>(25)</sup>, vệ sinh phòng cháy rừng đạt 100% kế hoạch. Giao khoán bảo vệ rừng đạt 96% kế hoạch.

<sup>16</sup> Vụ Hè Thu mất trắng 19 ha do mưa liên tục khi lúa mới xuống giống làm thiệt tại ấp 12 xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải

<sup>17</sup> Trong đó: Màu lương thực 6.098 ha (vượt 2,15% kế hoạch); cây thực phẩm 29.864 ha (đạt 91,68% kế hoạch); cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 16.764 ha (vượt 19,40% kế hoạch)

<sup>18</sup> Tổng đàn 14 con (4 heo nái, 10 heo thịt), ngày phát bệnh 09/11/2023

<sup>19</sup> Số heo mắc bệnh 286/411 con; tiêu hủy heo bị bệnh, nghi bệnh, chết 388 con (23 con còn lại hộ chăn nuôi tự tiêu hủy và bán trước đó), trọng lượng heo tiêu hủy 16.017 kg

<sup>20</sup> Đầu năm đến nay đã tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm 2,95 triệu con (đạt 49,46% kế hoạch), LMLM 173,12 ngàn con (đạt 51,76% kế hoạch), riêng đàn bò đạt 69,57% kế hoạch), Viêm da nổi cục 117,41 ngàn con (đạt 63,826% kế hoạch); Đại chó mèo 34,62 ngàn liều (đạt 32,39% kế hoạch), DTHCP 1,4 con; các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 634,5 ngàn liều (đạt 91,84% kế hoạch) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 4,82 triệu liều.

<sup>21</sup> Kiểm dịch 11.710 con heo (giảm 155.143 con so cùng kỳ); 26.415 con bò (tăng 12.395 con), 1,59 triệu con gia cầm (giảm 121,48 ngàn con); 493,32 tấn sản phẩm động vật (tăng 130,4 tấn) và kiểm dịch 1,46 tỷ con tôm giống (tăng 75,15 triệu con).

<sup>22</sup> Đưa vào sử dụng 06 công trình: Nạo vét 05 kênh cấp II, xã Thanh Mỹ, Mỹ Chánh; nạo vét 07 kênh cấp II, xã Tập Ngãi; thay cửa số 6 cống Cái Hóp; sửa chữa cửa, thay khung cửa số 1, số 2 cống Cán Chông; thay mới cầu thang các cống: Cái Hóp, Láng Thê, Diệp Thạch, Cán Chông, Vinh Kim, Bến Chứa, Thâu Râu; thay mới cửa, sửa chữa hệ thống cầu trục cống Rạch Cầu Kinh; sửa chữa cống Hiệp Hòa; gói thầu số 25 thi công xây dựng công trình Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất. Nghiệm thu hoàn thành hạng mục 03 kênh thuộc công trình nạo vét 06 kênh cấp II, xã Lương Hòa, Lương Hòa A.

<sup>23</sup> Tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh và xã Song Lộc, huyện Châu Thành.

<sup>24</sup> 01 trường hợp gây thiệt hại 126m<sup>2</sup> rừng sản xuất, chủng loại Đước tại Nhà Mát xã Trường Long Hòa thị xã Duyên Hải; 01 trường hợp phá rừng trái pháp luật làm thiệt hại 264m<sup>2</sup> rừng loại Mắm, Đước, rừng trồng năm 1999, thuộc loại rừng sản xuất tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh; 01 vụ vi phạm thiệt hại 492m<sup>2</sup> rừng sản xuất, chủng loại Đước tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà

2

.

*c) Thủy sản:*

Thực hiện tốt công tác giám sát và chuyển giao khoa học kỹ thuật phục vụ cho nuôi trồng thủy sản. Tổng diện tích nuôi thủy sản trong tháng đạt 1.270 ha, lũy kế 11 tháng thả nuôi 60.248 ha, đạt 115,64% kế hoạch, tăng 2,14% so với cùng kỳ (tương đương 1.261 ha). Diện tích thả nuôi một số con nuôi chủ lực đạt khá như: Nuôi tôm sú 24.384 ha, đạt 125,05% kế hoạch; nuôi tôm thẻ chân trắng 7.250 ha (trong đó có 1.073 ha nuôi thâm canh mật độ cao), đạt 87,35% kế hoạch; nuôi cua biển 23.106 ha, đạt 115,53% kế hoạch; nuôi tôm càng xanh 2.539 ha, đạt 69,28% kế hoạch.

Tổng sản lượng thủy hải sản trong tháng 15.334 tấn, lũy kế 11 tháng đạt 219.670, đạt 89,83% kế hoạch, cao hơn 5,4% so với cùng kỳ. Toàn tỉnh có 880 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 115.367 KW, 100% tàu cá đang hoạt động đã được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình.

*d) Xây dựng nông thôn mới:*

- Tích cực vận động, tuyên truyền trong nhân dân quyết tâm thực hiện xây dựng nông thôn mới; tập trung chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; kết quả thực hiện ở 03 cấp như sau:

+ *Cấp tỉnh:* Hoàn thành 05/08 tiêu chí<sup>(26)</sup>.

+ *Cấp huyện:* Kết quả huyện Trà Cú tự đánh giá đến nay đạt 9/9 tiêu chí, đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương thẩm định. Huyện Cầu Kè, huyện Tiểu Cần đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương xem xét công nhận.

+ *Cấp xã:* Có 85/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 38 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 03 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- *Chương trình OCOP:* Tổ chức họp chấm điểm sản phẩm OCOP năm 2023; công nhận 25 sản phẩm OCOP, đầu năm đến nay công nhận và tái công nhận 55 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, nâng tổng số hiện nay trên địa bàn tỉnh có 239 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP<sup>(27)</sup>. Tổ chức 22 lớp tập huấn chương trình OCOP cho các cơ sở, doanh nghiệp; phát hành Sổ tay, tờ bướm hướng dẫn xây dựng sản phẩm OCOP, đăng ký nhãn hiệu, đăng ký tham gia sàn giao dịch điện tử.

### 3.2. Sản xuất công nghiệp

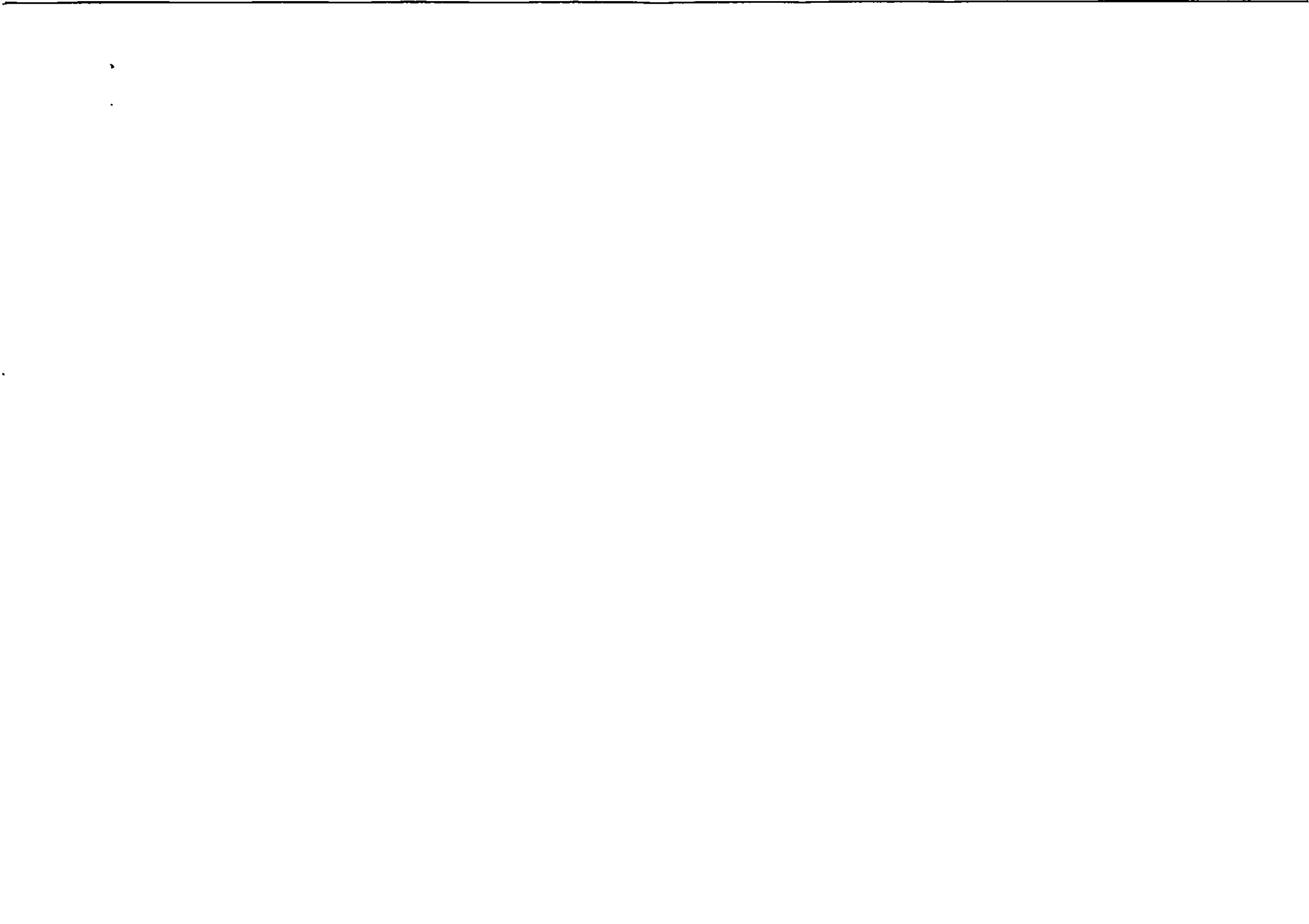
Sản xuất công nghiệp tương đối thuận lợi, mặc dù chỉ số sản xuất trong tháng giảm 7,49% so với tháng trước nhưng tính chung 11 tháng tăng 27,35% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 2.887 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng đạt 31.996 tỷ đồng, đạt 94,36% kế hoạch, tăng 12,5% so với cùng kỳ. Cả 04 lĩnh

Vinh; 01 vụ phá rừng trái pháp luật làm thiệt hại 72m<sup>2</sup> rừng phòng hộ tại ấp Đĩnh Cũ, xã Long Khánh, huyện Duyên Hải; 01 trường hợp vi phạm luật lâm nghiệp (mua bán động vật hoang dã, động vật rừng trái phép). Trong tháng 11 phát hiện 01 vụ vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản với khối lượng 10m<sup>3</sup> gỗ Đưng thuộc vốn dân tự trồng tại ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã xử lý theo quy định.

<sup>25</sup> Gồm: 39,5 ha rừng Đước đôi và 10 ha rừng Bần chua và 0,5 rừng phi lao.

<sup>26</sup> Gồm: tiêu chí số 02, 04, 05, 06 và 07 theo Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; còn tiêu chí 01, 03 và 08 chưa đạt.

<sup>27</sup> Gồm: 06 sản phẩm tiềm năng 6 sao; 03 sản phẩm 5 sao; 38 sản phẩm 4 sao; 192 sản phẩm 3 sao.





vực sản xuất công nghiệp đều tăng so với cùng kỳ, trong đó: (i) Công nghiệp khai khoáng tăng 13,94%; (ii) Công nghiệp chế biến, chế tạo<sup>(28)</sup> tăng 6,87%; (iii) Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước nóng, hơi nước tăng 18,14% (tổng sản lượng điện sản xuất đến nay đạt 14,308 tỷ kWh (trong đó nhiệt điện 13,227 tỷ kWh; điện gió, điện mặt trời 1,081 tỷ kWh) đạt 113,41% kế hoạch, tăng 38,57% so với cùng kỳ), tương đương 3,982 tỷ kWh); (iv) Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,79%.

Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng và phát triển năng lượng tái tạo; đầu năm đến nay phát triển mới 27,28 km đường dây trung thế, 11,02km đường dây hạ thế, 306 trạm biến áp; tỷ lệ hộ sử dụng điện đến nay đạt 99,61% tổng số hộ dân toàn tỉnh (vượt 0,01% kế hoạch).

### 3.3. Thương mại - dịch vụ

Ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Hội chợ Xúc tiến Thương mại, sản phẩm Công nghiệp nông thôn và OCOP gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh 2023<sup>(29)</sup>; Chợ khởi nghiệp (trong Chuỗi sự kiện Hội chợ Ok-Om-Bok năm 2023)<sup>(30)</sup>. Sức mua trong dân tăng khá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong tháng ước đạt 4.879 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng đạt 51.532 tỷ đồng, đạt 98,2% so với kế hoạch, tăng 19,85% so với cùng kỳ, trong đó: (i) Bán lẻ hàng hóa tăng 21,79%; (ii) Lưu trú, ăn uống tăng 14,36%; (iii) dịch vụ khác tăng 17,18% và (iv) du lịch tăng 74,81% cùng kỳ.

### 3.4. Xúc tiến đầu tư<sup>(31)</sup>; xúc tiến thương mại; hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp<sup>(32)</sup>; kinh tế tập thể, hợp tác xã

Chuẩn bị, tổ chức Hội thảo “Tiềm năng về năng lượng sạch, cơ hội hợp tác đầu tư và phát triển tại tỉnh Trà Vinh”. Quan tâm hỗ trợ, kết nối giao thương cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất: Tổ chức chuyển kết nối giao thương và tham gia Hội chợ tại Vương quốc Campuchia<sup>(33)</sup>.

Tiếp và làm việc với 08 nhà đầu tư; từ đầu năm đến nay cấp chủ trương/giấy chứng nhận đầu tư 10 dự án (tăng 04 dự án so với cùng kỳ), trong đó có 09 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư 930,611 tỷ đồng và 01 dự án<sup>(34)</sup> nước ngoài với tổng vốn đầu tư 2,5 triệu USD.

Thành lập mới 59 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 05 doanh nghiệp, 01 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giải thể 04 doanh nghiệp; lũy kế 11 tháng thành lập mới 520 doanh nghiệp, đạt 100% kế hoạch, có 05 huyện đạt và vượt chỉ tiêu phát

<sup>28</sup> Một số sản phẩm tăng so với cùng kỳ như: túi xách các loại tăng 18,97%; thảm dệt các loại tăng 17,24%; nước sinh hoạt tăng 4,84%; giấy thành phẩm tăng 6,88%...

<sup>29</sup> Trên 300 gian hàng thu hút hơn 120 đơn vị, doanh nghiệp tham gia, trong đó có 16 đơn vị tỉnh, thành bạn đăng ký, trưng bày sản phẩm.

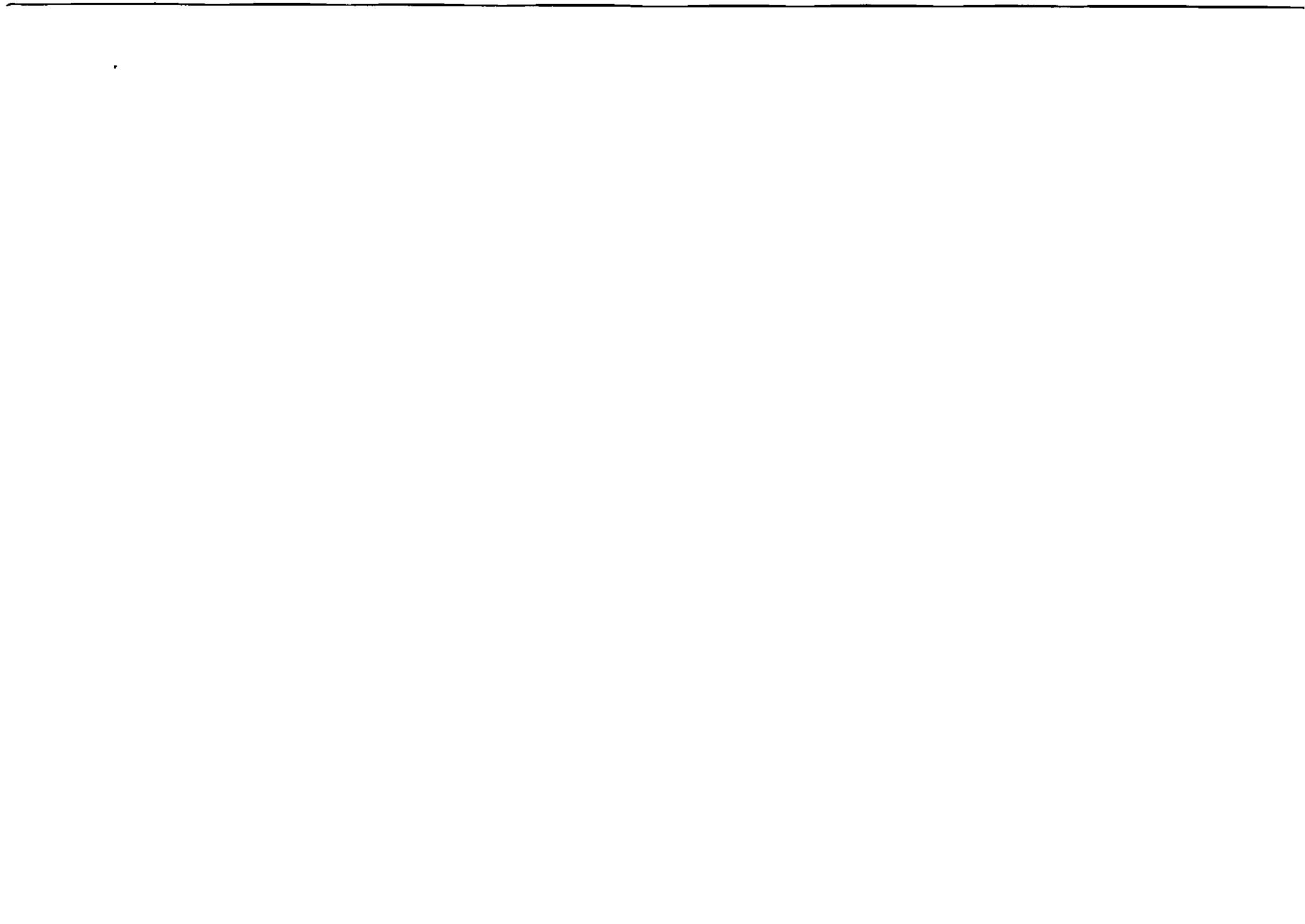
<sup>30</sup> Tổ chức thành khu trưng bày 20 gian hàng, đã vận động được trên 30 đơn vị, với hơn 40 loại sản phẩm tham gia triển lãm giới thiệu tại khu trưng bày.

<sup>31</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 378 dự án còn hiệu lực, trong đó có 38 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 2,99 tỷ USD và 339 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 164,1 nghìn tỷ đồng.

<sup>32</sup> Đến nay có 5.361 doanh nghiệp, vốn 70.646 tỷ đồng, 102.677 lao động (trong đó có 2.905 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 54.276 tỷ đồng, 68.570 lao động) trong đó có 44 doanh nghiệp FDI.

<sup>33</sup> Có 05 doanh nghiệp tham gia, 65 sản phẩm được trưng bày và gửi trưng bày, 11 biên bản ghi nhớ được ký kết.

<sup>34</sup> Dự án Dự án gia công các mặt hàng giấy dếp Công ty TNHH Tera Surplus Việt Nam của



triển doanh nghiệp được giao<sup>(35)</sup>, tạm ngừng hoạt động 136 doanh nghiệp, hoạt động trở lại 68 doanh nghiệp, giải thể 99 doanh nghiệp. So với cùng kỳ, số thành lập mới tăng 45 doanh nghiệp, giải thể giảm 29 doanh nghiệp; đăng ký giao dịch qua mạng đạt gần 100% tổng số hồ sơ.

Tiếp và làm việc với liên đoàn HTX Agricoop Philippines. Tiếp tục tổ chức tuyên truyền về kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh<sup>(36)</sup>; thường xuyên tư vấn, hỗ trợ, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX<sup>(37)</sup>. Tổ chức Đoàn tham gia Hội chợ xúc tiến thương mại tại Hà Nội<sup>(38)</sup>. Sơ kết tình hình phát triển kinh tế tập thể, HTX 9 tháng đầu năm và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2023. Thành lập mới 01 HTX<sup>(39)</sup>, lũy kế đến nay thành lập mới 12 HTX (đạt 120% kế hoạch), giải thể 15 HTX; nâng tổng số toàn tỉnh hiện có 166 HTX<sup>(40)</sup> và 01 Liên hiệp HTX lúa gạo đang hoạt động.

### 3.5. Đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 4.764,268 tỷ đồng, đến ngày 20/11/2023, giải ngân 2.994,332 tỷ đồng, đạt 62,8% kế hoạch (cùng kỳ giải ngân 2.588,611/4.262,239 tỷ đồng, đạt 60,7% kế hoạch)<sup>(41)</sup>. Trong đó: (i) Vốn giao đầu năm giải ngân 2.795,655 tỷ đồng/kế hoạch 4.463,233 tỷ đồng, đạt 62,6% kế hoạch; (ii) Vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023 giải ngân 68,767 tỷ đồng/kế hoạch 132,22 tỷ đồng, đạt 52%; (iii) Kế hoạch vốn năm 2023 giao bổ sung giải ngân 129,91 tỷ đồng/kế hoạch 168,815 tỷ đồng, đạt 77%.

Tiếp tục triển khai điều chỉnh Quy hoạch Khu Kinh tế Định An đến năm 2040; Tập trung hoàn thiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, đô thị Tiểu Cần, Càng Long, Cầu Ngang; tiếp tục lập quy hoạch chung thị trấn Càng Long mở rộng, thị trấn Cầu Ngang mở rộng; thực hiện các quy hoạch phân khu đô thị dọc sông Láng Thè, khu vực dự kiến thành lập phường Nguyệt Hóa, phân khu phường 8 mở rộng...

## 4. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ

### 4.1. Giáo dục và đào tạo

Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2023). Công nhận 01 trường<sup>(42)</sup> đạt chuẩn quốc gia; kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với 07 trường<sup>(43)</sup>. Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024 tại các trường trung học; kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trung học năm 2023 tại huyện Cầu Kè, Trà Cú. Hoàn thành thẩm định tài liệu dạy Tiếng Khmer của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh.

<sup>35</sup> Gồm: huyện Duyên Hải (đạt 148%), huyện Trà Cú (đạt 111,4%), huyện Cầu Kè (đạt 112,5%), huyện Châu Thành (đạt 107,1%) và huyện Tiểu Cần (đạt 107,5%).

<sup>36</sup> Đầu năm đến nay đã tổ chức được 34/30 cuộc với 1.577 lượt người tham dự, đạt 113% so với kế hoạch đề ra trong năm.

<sup>37</sup> Tổ chức tập huấn 03 lớp tập huấn về quản lý điều hành và khai báo thuế, 03 lớp tập huấn về môi trường,

<sup>38</sup> Diễn ra từ ngày 22/10/2023 đến 02/11/2023 có 10 HTX và 04 doanh nghiệp với 14 loại sản phẩm tham gia

<sup>39</sup> HTX NN Hạnh Phúc (Xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang) với 07 thành viên, vốn điều lệ là 300.000.000 đồng.

<sup>40</sup> Trong đó: 121 HTX Nông nghiệp, 29 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng nhân dân với vốn điều lệ 175,582 tỷ đồng với 28.552 thành viên.

<sup>41</sup> Số vốn giải ngân tuyệt đối cao hơn cùng kỳ 405,72 tỷ đồng

<sup>42</sup> Trường MN thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè.

<sup>43</sup> THPT Tam Ngãi, PTĐTNT THCS&THPT huyện Tiểu Cần (đạt chuẩn quốc gia mức độ 2) và THPT Cầu Kè, THCS Ninh Thới huyện Cầu Kè, THCS Đôn Xuân huyện Duyên Hải (đạt chuẩn quốc gia mức độ 1); trường tiểu học Trường Thọ B và trường Vinh Kim A huyện Cầu Ngang.

2

.

## 4.2. Khoa học và công nghệ

Công nhận 01 nhiệm vụ<sup>(44)</sup>, phê duyệt 03 đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh<sup>(45)</sup>; chọn tổ chức và cá nhân thực hiện 03 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh<sup>(46)</sup>. Cấp 03 giấy phép tiến hành công việc bức xạ<sup>(47)</sup>; cấp 01 chứng chỉ nhân viên bức xạ; kiểm định 8.750 phương tiện đo các loại. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh vào doanh nghiệp.

## 5. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

### 5.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Tổ chức 04 cuộc Hội thảo tư vấn việc làm, 01 phiên giao dịch việc làm, tư vấn cho 1.046 lao động; tạo việc làm cho 952 lao động, đưa 107 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, lũy kế 11 tháng, tạo việc làm 23.863 lao động, đạt 103,7% kế hoạch, đưa 1.042 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 115,7% kế hoạch. Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 966 trường hợp, lũy kế 11 tháng trợ cấp cho 9.001 trường hợp với số tiền chi trả trên 150 tỷ đồng.

Tổ chức ngày Hội phân luồng định hướng giáo dục nghề nghiệp tại huyện Duyên Hải và Trường Cao đẳng y tế Trà Vinh; giám sát công tác phân luồng giáo dục nghề nghiệp tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã. Thẩm định hồ sơ cấp phép bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh. Xác nhận khai báo thiết bị, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động cho 06 doanh nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tổ chức tư vấn tuyển sinh trình độ nghề các cấp cho 1.647 người, nâng tổng số người được tư vấn đến nay là 17.315 người<sup>(48)</sup>, đạt 91,1% kế hoạch.

### 5.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết chế độ chính sách cho 50 trường hợp người có công với cách mạng<sup>(49)</sup>; lũy kế 11 tháng giải quyết chính sách 589 trường hợp. Cấp bảo hiểm y tế cho 15 trường hợp theo Quyết định số 290, 62, 49 của Thủ tướng Chính phủ. Trợ cấp ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với học sinh và sinh viên 10 trường hợp. Biên soạn quyển sách “Kỷ yếu tù Chính trị tỉnh Trà Vinh”. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện 10 căn nhà tình nghĩa do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Trà Vinh (BIDV) tài trợ năm 2023.

### 5.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

<sup>44</sup> Đề tài: Đánh giá, dự báo chế độ dòng chảy (lưu lượng, mực 2 nước, chất lượng nước) và diễn biến bồi xói tuyến sông Cổ Chiên và sông Hậu tỉnh Trà Vinh.

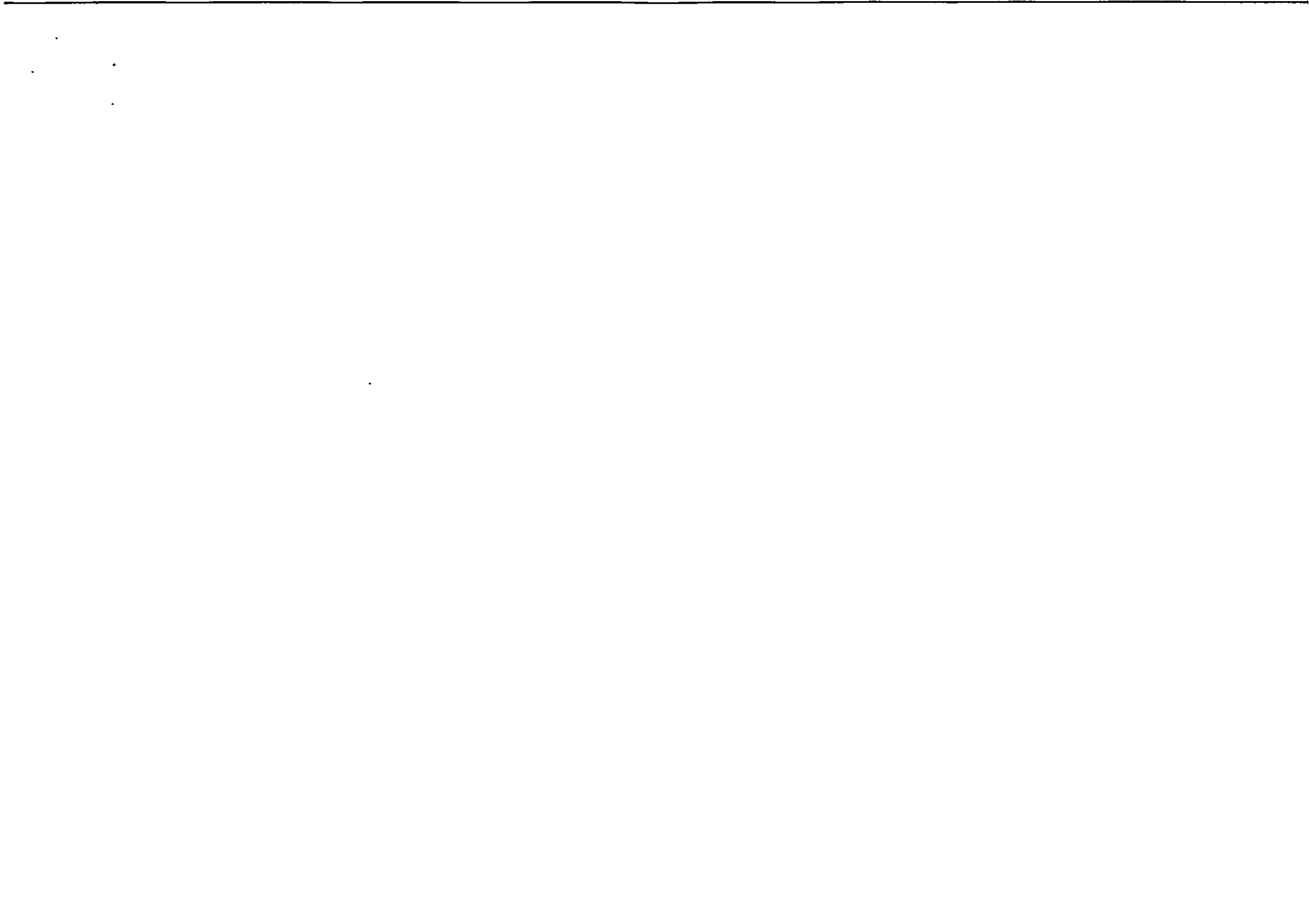
<sup>45</sup> Đề tài: Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật phát triển bền vững cây quýt Đường tại tỉnh Trà Vinh; Lịch sử Đảng bộ Quân sự tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1945 – 2020 và Lịch sử Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh (1946 – 2021).

<sup>46</sup> Nghiên cứu khả năng lưu trữ carbon của các loại rừng chủ yếu tại tỉnh Trà Vinh; Nghiên cứu giải pháp công nghệ vật liệu sử dụng phối hợp tro xỉ nhiệt điện Duyên Hải và cát nhiễm mặn làm vật liệu đắp nền, bê tông xi măng mặt đường tại tỉnh Trà Vinh; Điều tra, phân loại và khoanh vùng hiện trạng các khu vực ô nhiễm môi trường đất, nước và đề xuất công nghệ, giải pháp xử lý tại các khu vực quản đội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

<sup>47</sup> Cấp gia hạn Phòng chụp X-quang CN. Võ Văn Lợi và cấp mới 01 giấy phép cho Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải; cấp mới 01 giấy phép cho Hộ kinh doanh Văn Hải Đăng. Lũy kế đến nay đã cấp 31 giấy phép.

<sup>48</sup> Trong đó: Trình độ cao đẳng: 799 học viên; trình độ trung cấp: 467 học viên; trình độ cơ cấp: 1.682 học viên; đào tạo dưới 03 tháng: 2.711 học viên; đào tạo chuyển giao khoa học kỹ thuật, bồi dưỡng kỹ năng cho 6.675 người; kèm cấp nghề, tập nghề, truyền nghề trong doanh nghiệp cho người 4.976 lao động. Số sinh viên đã tốt nghiệp là 531 người (trong đó: trình độ cao đẳng: 446 sinh viên, trình độ trung cấp: 85 học sinh).

<sup>49</sup> Chế độ thờ cúng liệt sĩ 23 trường hợp, chế độ mai táng phí 27 trường hợp.



Thực hiện kịp thời chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên, từ đầu năm đến tháng 10/2023, đã chi trả trợ giúp xã hội cho 42.021 đối tượng, với số tiền 226,4 tỷ đồng<sup>(50)</sup>; tiếp tục hỗ trợ 01 triệu đồng/tháng cho 574 hộ nghèo có 01 nhân khẩu từ 60 tuổi trở lên neo đơn đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng được hỗ trợ từ nguồn Quỹ An sinh xã hội tỉnh. Thực hiện thủ tục mở tài khoản thanh toán cho 6.951 đối tượng, nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 35.259 đối tượng thụ hưởng chính sách đã đề nghị mở thẻ. Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố triển khai lập danh sách mua BHYT cho một số đối tượng theo Nghị định số 75/2023/NĐ-CP. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật trị giá trên 1,2 tỷ đồng, hỗ trợ cho 14.753 lượt đối tượng người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người mù, trẻ mồ côi, bệnh nhân nghèo,...

Triển khai đầy đủ các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh<sup>(51)</sup>; tiếp tục theo dõi, đôn đốc địa phương đẩy nhanh tiến độ hỗ trợ nhà ở cho 475 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo từ nguồn Quỹ An sinh xã hội tỉnh<sup>(52)</sup>. Rà soát, đề xuất giải pháp hỗ trợ các hộ gia đình còn khó khăn về nhà ở tại 30 ấp nghèo theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy. Kết quả rà soát sơ bộ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023: Hộ nghèo còn 3.479 hộ, chiếm 1,21% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh (giảm 0,67% so với năm 2022, vượt 0,17% so với chỉ tiêu năm 2023); hộ nghèo dân tộc Khmer còn 1.893 hộ, chiếm 2,11% so với tổng số hộ dân cư dân tộc Khmer (giảm 1,5% so với năm 2022, vượt 0,17% so với chỉ tiêu năm 2023); hộ cận nghèo còn 6.714 hộ, chiếm 2,34% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh (giảm 1,46% so với năm 2022). Riêng đối với công tác rà soát xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá giàu, toàn tỉnh mới thực hiện rà soát 175.188 hộ gia đình, đạt 65% so với tổng số hộ cần rà soát và đang tập trung đẩy nhanh tiến độ.

#### 5.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em, công tác thanh niên

Tổ chức các hoạt ý nghĩa, thiết thực nhân Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, chào mừng 93 năm ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11/1930 - 18/11/2023). Tổ chức tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2023.

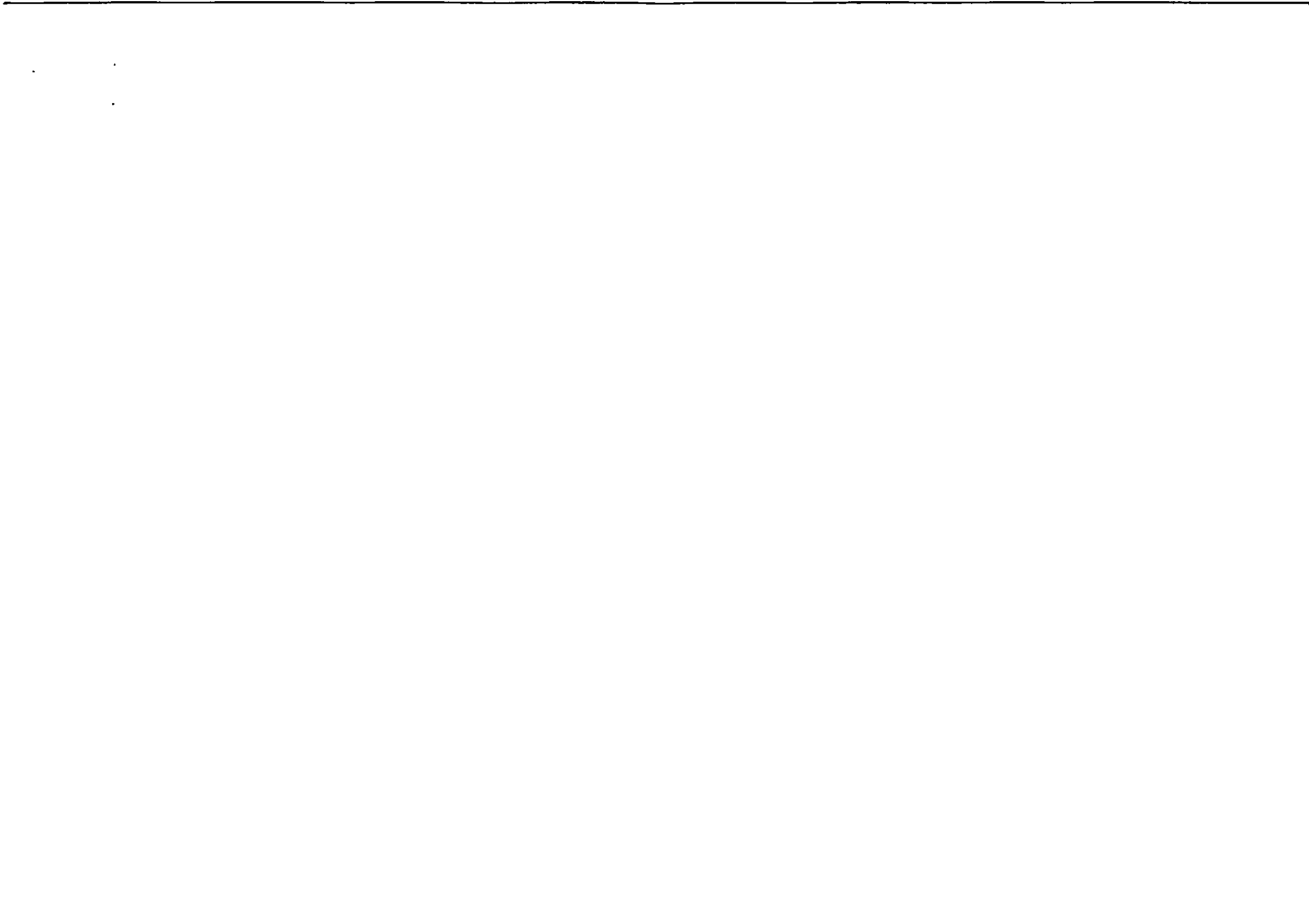
Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định về nội dung, mức chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng nhu cầu vốn thực hiện chương trình năm 2024. Thông báo kết luận việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2023 tại Ủy ban nhân dân 05 xã, phường<sup>(53)</sup> và Ủy

<sup>50</sup> Trong đó, trợ cấp xã hội hàng tháng cho 35.059 đối tượng, với số tiền 195,3 tỷ đồng; trợ giúp xã hội cho 5.349 đối tượng nhận nuôi dưỡng chăm sóc tại cộng đồng, với số tiền 19,5 tỷ đồng; hỗ trợ mai táng phí cho 1.613 đối tượng, với số tiền 11,6 tỷ đồng.

<sup>51</sup> Trong tháng 10/2023, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã phối hợp địa phương hỗ trợ cho 58 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay vốn phát triển sản xuất, với số tiền 2.967 tỷ đồng; nâng tổng số từ đầu năm đến nay đã giải quyết cho 4.777 vay, với số tiền 240.920 tỷ đồng. Từ đầu năm đến nay đã hỗ trợ 130.079 thẻ bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, người thuộc hộ có mức sống trung bình làm nghề nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, với số tiền 101,7 tỷ đồng. Đối với chính sách hỗ trợ cho hộ mới thoát nghèo vay vốn xây dựng nhà ở theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 của HĐND tỉnh; tính đến hết ngày 31/10/2023, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân cho 129 hộ vay vốn với số tiền 6,39 tỷ đồng,...

<sup>52</sup> Đến nay có 471/471 hộ được hỗ trợ đợt đầu đã hoàn thành 100% công trình; 04 hộ nghèo của huyện Trà Cú được hỗ trợ bổ sung, đến nay đã có 01 hộ ở xã Thanh Sơn đã xây dựng xong, 03 hộ còn lại có tiến độ xây dựng từ 85% trở lên.

<sup>53</sup> Các xã Long Đức, Phong Phú, Đức Mỹ, Đa Lộc và Phường 7





ban nhân dân 04 huyện, thị xã, thành phố<sup>(54)</sup>. Rà soát, xác định số trẻ em có cha/mẹ chết do dịch covid-19 và gia đình có người là lao động chính chết do dịch Covid-19 có hoàn cảnh khó khăn cần hỗ trợ<sup>(55)</sup>. Tặng 50 xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 11 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cung cấp dịch vụ, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp huyện, xã và cộng tác viên.

### 5.5. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân; công tác phòng, chống dịch Covid-19

Tiếp tục tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo phân bổ của Bộ Y tế, đến ngày 20/11/2023 tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid-19 toàn tỉnh đạt 99,99%<sup>(56)</sup>; trong tháng không phát hiện ca mắc mới.

Tổng lượt khám chữa bệnh trong tháng 158.796 lượt<sup>(57)</sup>; phát hiện và xử lý: 25 ổ dịch<sup>(58)</sup>, 49 ca sốt xuất huyết<sup>(59)</sup>; 646 ca bệnh tay chân miệng<sup>(60)</sup>; 12.660 ca bệnh viêm kết mạc cấp; 04 người nhiễm HIV<sup>(61)</sup>. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động tham gia bảo hiểm y tế, đến nay tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,15%. Cấp giấy chứng nhận 09 hồ sơ đủ điều kiện ATTP; tiếp nhận 29 hồ sơ tự công bố sản phẩm; thực hiện kiểm dịch y tế quốc tế 17 tàu (*nhập cảnh, quá cảnh, xuất cảnh*) với 280 thuyền viên<sup>(62)</sup>. Tiếp tục xây dựng Đề án tổ chức Trung tâm Y tế thành phố Trà Vinh thành Trung tâm Y tế 2 chức năng trực thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh với quy mô 100 giường.

### 5.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong khuôn khổ Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan âm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2023 vui tươi, an toàn, tiết kiệm<sup>(63)</sup>. Đăng cai tổ chức thành công Ngày hội Gia đình tiêu biểu các tỉnh, thành phố miền Tây Nam bộ lần thứ IV năm 2023<sup>(64)</sup>. Thực hiện công tác kiểm kê Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ tỉnh Trà Vinh tại huyện Trà Cú, Càng Long và Cầu Ngang với 9 xã (có 16 Câu lạc bộ, 85 nghệ nhân). Ban hành Kế hoạch, Thễ lệ và câu hỏi Liên hoan Ban Vận động xây dựng ấp - xóm văn hóa tiêu biểu tỉnh Trà Vinh năm 2023. Triển khai mô hình tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống và mô hình phòng, chống bạo lực trong gia đình đợt 2 năm 2023 trên địa bàn huyện Châu Thành, huyện Duyên Hải, thị xã Duyên

<sup>54</sup> Các huyện Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh

<sup>55</sup> Tổng số trẻ em có cha/mẹ chết do dịch Covid-19 có hoàn cảnh khó khăn cần được hỗ trợ là 75 trẻ (trong đó, có 52/75 em đã được nhận hỗ trợ từ 02 đến 10 triệu từ Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Quỹ ASXH tỉnh, Quỹ thiện tâm, Quỹ mái ấm hạnh phúc và nỗi lòng tay lớn, đoàn thể và cơ quan địa phương vận động hỗ trợ và còn 23 em chưa được hỗ trợ) Tổng số người chết do dịch Covid-19 trong độ tuổi lao động, gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn cần hỗ trợ là 106 người (trong đó, có 04 hộ nghèo, 03 hộ cận nghèo, 25 thuộc gia đình có mức sống trung bình, 74 hộ có hoàn cảnh khó khăn và có 37/106 hộ đang gặp khó khăn về nhà ở cần hỗ trợ do hiện trạng nhà đã xuống cấp).

<sup>56</sup> Trong đó: (i) người từ 18 tuổi trở lên mũi 1 đạt 100,64%, mũi 2 đạt 99,45%; mũi 3 đạt 91,27%, mũi 4 tiêm đạt 38,18%; (ii) tiêm cho trẻ em từ 12-17 tuổi: mũi 1 đạt 103,6%, mũi 2 đạt 100,6%; mũi 3 đạt 73,3%; (iii) tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: mũi 1 đạt 112,2%; mũi 2 đạt 98,33%

<sup>57</sup> Lũy kế 1.492.350 lượt, đạt 116,6%.

<sup>58</sup> Giảm 12 ổ dịch.

<sup>59</sup> Giảm 41 ca.

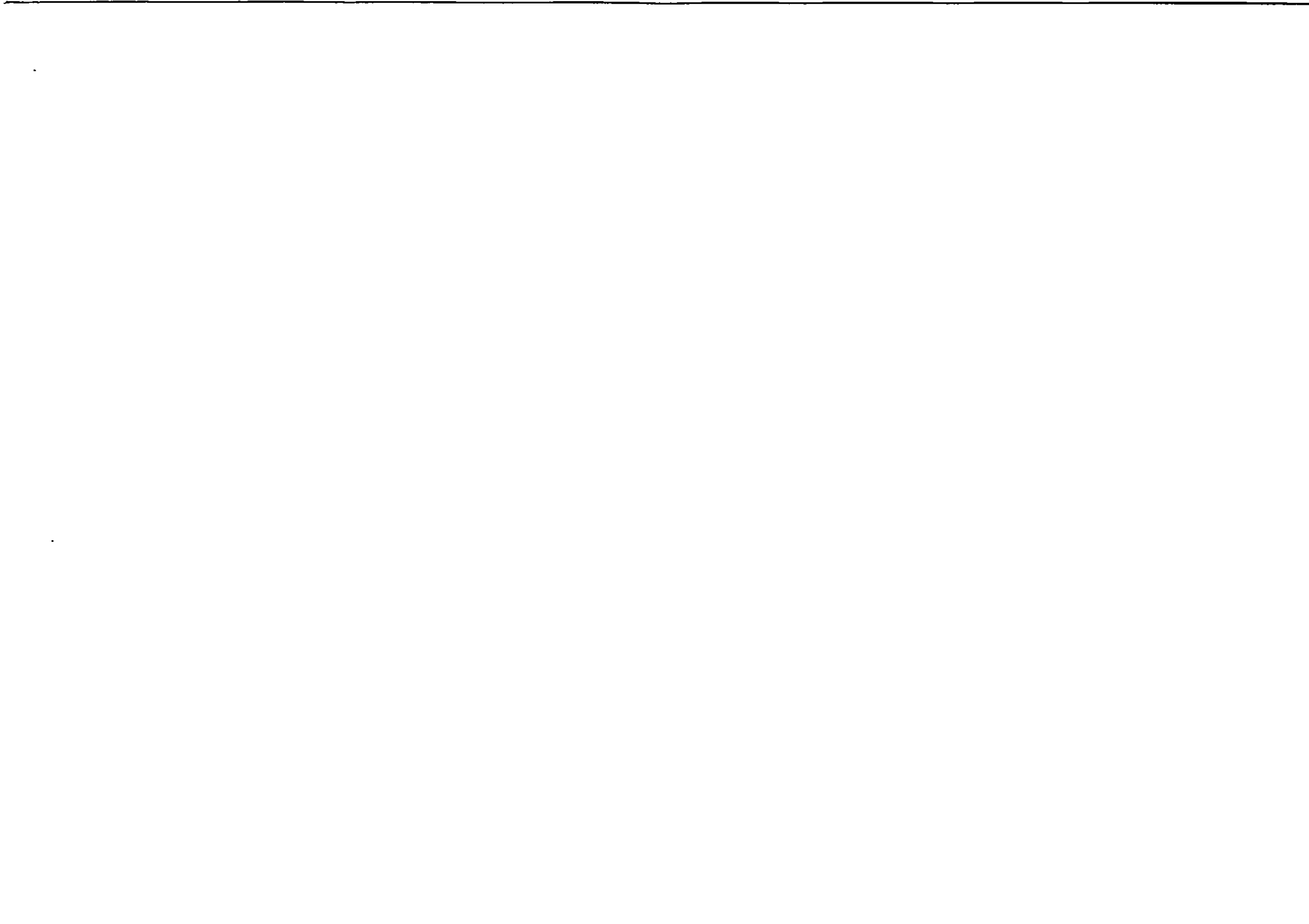
<sup>60</sup> Tăng 294 ca.

<sup>61</sup> Lũy kế đến ngày 04/11/2023, số người nhiễm HIV được phát hiện là 2.806 (trong tỉnh là: 2.782 người). Số người chuyển sang bệnh AIDS là 1.772 người. Số người tử vong vì HIV/AIDS là 1.190 người.

<sup>62</sup> Lũy kế từ đầu năm đến nay 227 tàu với 3.658 thuyền viên.

<sup>63</sup> Trưng bày, triển lãm trang phục truyền thống dân tộc tỉnh Trà Vinh; triển lãm sách và phục vụ xe Thư viện lưu động đa phương tiện; tổ chức Không gian Âm thực Nam bộ; khảo sát (*famtrip*) giới thiệu tuyến điểm du lịch Trà Vinh gắn với Lễ ra mắt Điểm du lịch Nông nghiệp áp Cầu Ông, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải,...

<sup>64</sup> Bao gồm 5 phần thi: "Gia đình tài năng", biểu diễn thời trang "Sắc màu yêu thương", nấu ăn "Món ngon cuối tuần", "Cùng con đọc sách" và "Vui chơi cùng con", với sự tham gia của 52 gia đình tiêu biểu đại diện 13 tỉnh, thành phố miền Tây Nam bộ. Qua 3 ngày diễn ra các phần thi, Ban Tổ chức đã trao tặng 05 giải Nhất, 10 giải Nhì, 25 giải Ba và 27 giải Khuyến khích cho các gia đình đạt thành tích xuất sắc.



Hải, Cầu Ngang, Càng Long, Trà Cú. Tập huấn, hướng dẫn các quy định của pháp luật có liên quan đến việc tổ chức các sự kiện, các lễ hội quan trọng trong và ngoài tỉnh cho các sở, ngành và các huyện, thị xã, thành phố.

Các đội tuyển và đội tuyển năng khiếu thể thao tham gia các giải cấp quốc gia và khu vực đạt 11 huy chương các loại và 01 kỷ lục quốc gia. Trong tháng có 102.000 lượt khách tham quan và lưu trú (giảm 43,1% so tháng trước), công suất phòng bình quân đạt 64% (giảm 3%), tổng doanh thu 76,480 tỷ đồng (giảm 45,4%)<sup>(65)</sup>.

## 6. Tài nguyên và môi trường

Trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của tỉnh; thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của 9/9 huyện, thị xã, thành phố; hoàn thành Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Cấp mới 36 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lũy kế đến nay cấp 626.714 giấy, đạt 99,4% diện tích cần cấp giấy. Thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên nước, khoáng sản<sup>(66)</sup>. Triển khai dự án đầu tư thiết bị 14 trạm quan trắc dự báo mặn và giám sát chất lượng nước tự động tỉnh Trà Vinh. Thẩm định 04 Giấy phép môi trường, 05 báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hướng dẫn các cơ sở, công ty, doanh nghiệp thực hiện quan trắc môi trường. Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường tại Trung tâm Điện lực Duyên Hải.

## 7. Thông tin và truyền thông

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, đồng thuận của xã hội, kỷ niệm 22 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Trà Vinh - Canada.

Chỉ đạo chỉnh trang, bó gọn hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình, đến nay hoàn thành chỉnh trang 17/26 tuyến đường trên địa bàn thành phố Trà Vinh và hơn 286,55km trên địa bàn các xã, thị trấn. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin; Kiểm tra, rà soát, khắc phục lỗ hổng bảo mật trong các sản phẩm Microsoft; khắc phục lỗ hổng an toàn thông tin ảnh hưởng nghiêm trọng F5 BIG-IP; trong tháng nhận 30 cảnh báo từ hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC). Công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước<sup>(67)</sup>, phục vụ người dân, doanh nghiệp<sup>(68)</sup> được tăng cường. Xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023 - 2025.

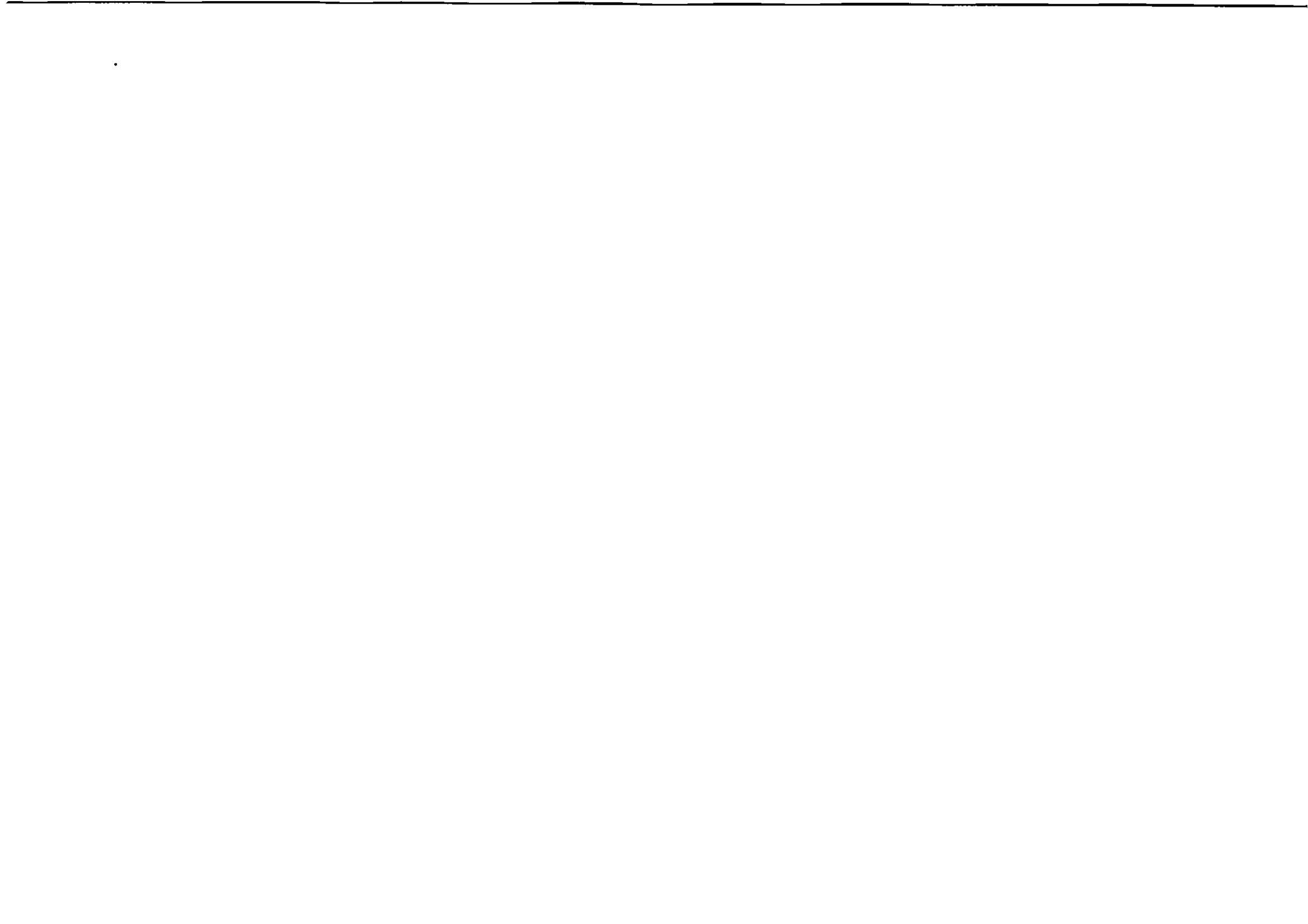
## 8. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

<sup>65</sup> Lũy kế 11 tháng, có trên 2,023 triệu lượt khách tham quan, với doanh thu trên 1.602 tỷ đồng.

<sup>66</sup> Hoàn thành 04 hồ sơ cấp giấy phép khai thác nước dưới đất; thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò của 2 đơn vị DNTN Ngọc Tuyết và Công ty CP ĐTXD và cơ điện Thiện Phú tiến hành công tác thăm dò khoáng sản. Thống kê, cập nhật số liệu hiện trạng khoáng sản còn lại, đánh giá tiềm năng cát, vật liệu san lấp của tỉnh và khả năng cung ứng phục vụ các công trình trọng điểm, các công trình khác trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn thủ tục đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị & KH khai thác đá kê Trường Long Hòa,...

<sup>67</sup> Trong tháng, có 26.893 văn bản điện tử phát hành trên hệ thống, trong đó có 24.012 văn bản được ký số (tỷ lệ 88%); cấp mới 111 chứng thư số, tổng số đến nay có 3.951 chứng thư số đang hoạt động; cấp mới 06 tài khoản mới, nâng tổng số hộp thư điện tử công vụ (mail.travinh.gov.vn) cấp cho cán bộ, công chức, viên chức đến hiện tại là 10.108. Tổ chức Hội nghị Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh năm 2023; tập huấn 6 lớp sử dụng iGate, số hóa cho CCVC trên địa bàn.

<sup>68</sup> Trong tháng, hệ thống đã tiếp nhận 31.786 hồ sơ (18.006 trực tiếp, 13.780 trực tuyến (tỷ lệ 43,35 %)); có khoảng 9.869 lượt truy cập dịch vụ xác thực thông tin công dân phục vụ giải quyết TTHC. Thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; đến nay có 89.500 hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản bán hàng trên sàn thương mại điện tử Postmart.vn (89.500 hộ) và Voso.vn (59.830 hộ) với 1.259 loại sản phẩm được quảng bá, giới thiệu trên sàn; có 108 sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên sàn thương mại điện tử Postmart.vn và Voso.vn.



Triển khai, theo dõi việc điền phiếu điều tra xã hội học đối với cán bộ, công chức và người dân, tổ chức. Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2024. Thẩm định việc tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; việc thành lập, kiện toàn, thay đổi thành viên 05 tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh<sup>(69)</sup>. Tổ chức kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Trà Vinh năm 2023.

Thanh tra hành chính thực hiện 24 cuộc, ban hành kết luận thanh tra 04 cuộc, kiến nghị thu hồi 515,4 triệu đồng, kỷ luật 02 cá nhân, kiểm điểm trách nhiệm 01 tập thể, 07 cá nhân và kiểm điểm rút kinh nghiệm 21 cá nhân. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 31 cuộc và 233 lượt tuần tra, kiểm tra với 49 tổ chức và 128 cá nhân, qua đó phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 11 trường hợp với số tiền 209 triệu đồng<sup>(70)</sup>. Tiếp 312 lượt người dân đến khiếu nại, tố cáo với 312 vụ việc; nhận 349 đơn; giải quyết 143/259 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 55,2% (*giải quyết đơn khiếu nại đạt 30,7%, đơn yêu cầu đạt 47,7%, đơn phản ánh, kiến nghị đạt 56,5%, đơn tranh chấp đạt 68,2%*)<sup>(71)</sup>. Triển khai 17 cuộc tập huấn công tác kê khai tài sản, thu nhập cho 61 cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh với 1.174 lượt người tham dự.

## 9. Về quốc phòng, an ninh

Chỉ đạo đảm bảo an ninh trật tự phục vụ kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV và lễ Dân y cả sa năm 2023 của đồng bào dân tộc Khmer (30/10-27/11/2023). Sơ kết các hoạt động Tết Quân – Dân năm 2024<sup>(72)</sup>. Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/4/2022 của Bộ Chính trị<sup>(73)</sup>

Trong tháng, xảy ra 54 vụ tội phạm về trật tự xã hội<sup>(74)</sup> (*tỷ lệ điều tra làm rõ đạt 100% tổng số vụ*), 04 vụ tội phạm về kinh tế, 04 vụ tội phạm về ma túy, 09 vụ tai nạn giao thông (*03 trường hợp cán bộ, công chức viên chức vi phạm trật tự an toàn giao thông*), xảy ra 02 vụ cháy tổng thiệt hại 812 triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, xảy ra: 297 vụ phạm tội về trật tự xã hội (*nhiều hơn cùng kỳ 71 vụ*); 20 vụ tội phạm về kinh tế (*nhiều hơn cùng kỳ 08 vụ*); 116 vụ tội phạm về ma túy (*nhiều hơn cùng kỳ 22 vụ*); 48 vụ tai nạn giao thông, làm chết 44 người, 21 người bị thương (*so với cùng kỳ tăng 12 vụ, tăng 11 người chết, tăng 05 người bị*

<sup>69</sup> Thành lập Ban triển khai Đề án nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt và dự phòng bệnh Răng miệng cộng đồng giai đoạn 2023 - 2030 tại tỉnh Trà Vinh; thành lập Tổ điều phối cấp tỉnh theo Quyết định số 52/QĐ-HĐĐPĐBSCSL ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long; thay đổi, bổ sung Phó Đội trưởng và thành viên Đội kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm tỉnh Trà Vinh; thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Trà Vinh lần thứ IV năm 2024; kiện toàn Đoàn Kiểm tra liên ngành phòng ngừa, đấu tranh đối tượng kinh doanh, tham gia trò chơi điện tử "Game bắn cá" vi phạm pháp luật.

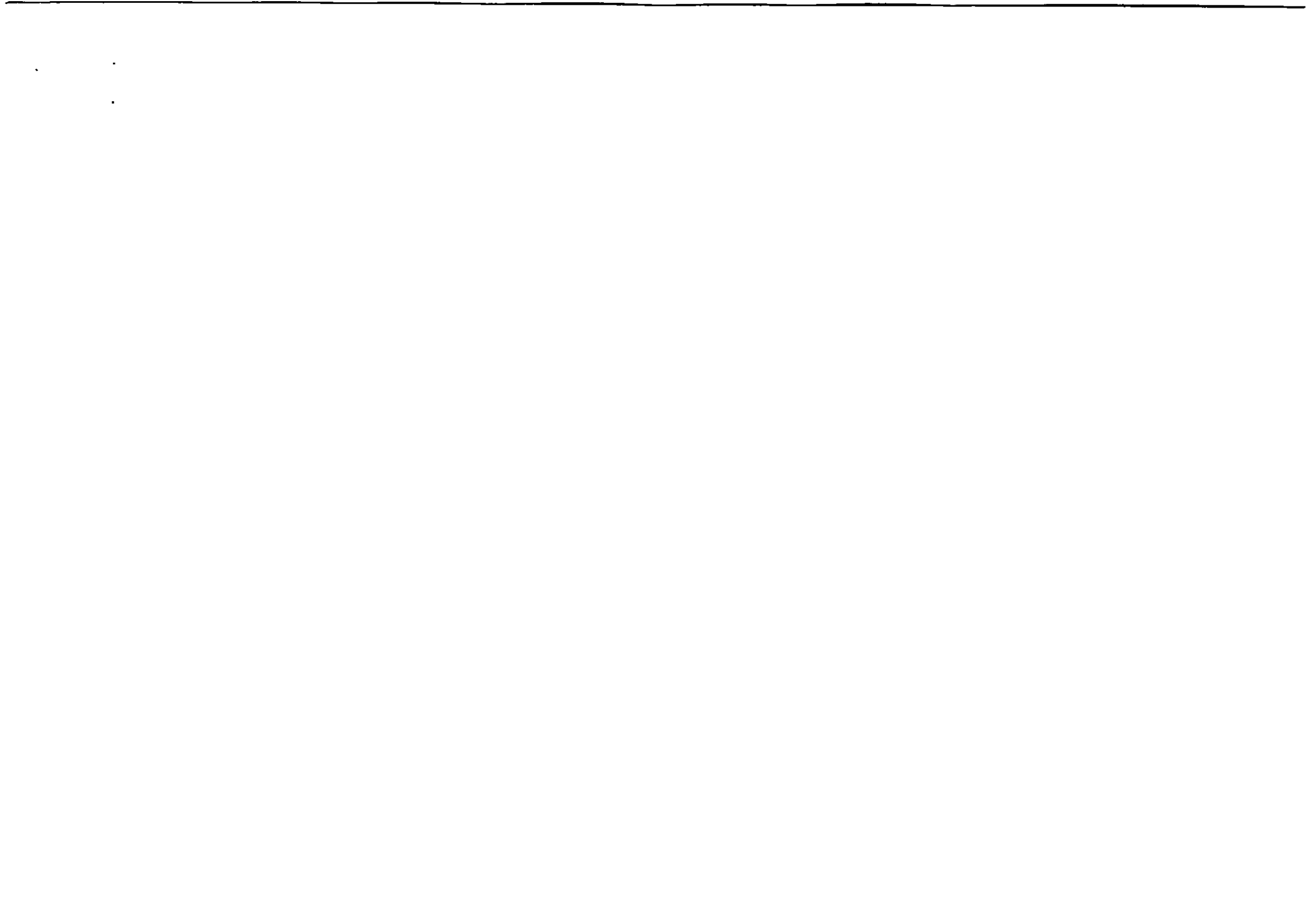
<sup>70</sup> Lũy kế 11 tháng, triển khai 48 cuộc thanh tra, ban hành 26 kết luận, kiến nghị thu hồi số tiền 24.168,4 triệu đồng và 5.209,3m<sup>2</sup>. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã tổ chức 289 cuộc và trên 2.112 lượt tuần tra kiểm tra đối với 583 tổ chức, 3.008 cá nhân; ban hành 170 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.886,2 triệu đồng.

<sup>71</sup> Lũy kế 11 tháng đã tiếp 4.117 lượt người với 4.086 vụ việc; tiếp nhận 2.416 đơn, thuộc thẩm quyền 1.928 đơn, đã giải quyết được 1.038/1.928 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 53,8%.

<sup>72</sup> Thị xã Duyên Hải đã vận động được trên 48 tỷ đồng từ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang; các công ty, doanh nghiệp, mạnh thường quân trong và ngoài thị xã. Trong đó vận động nhân dân hiến trên 281.000m<sup>2</sup> đất làm đường nông thôn (quy ra tiền gần 34 tỷ đồng), hỗ trợ xây dựng 01 tuyến đường nhựa, 06 tuyến đường đat, hỗ trợ tặng quà cho gia đình chính sách, hộ nghèo... với số tiền trên 05 tỷ đồng; tặng quà, học bổng cho học sinh nghèo với số tiền trên 3,5 tỷ đồng; hỗ trợ xây tặng 21 căn nhà tình tình đồng đội cho lực lượng dân quân, bộ đội xuất ngũ, nhà đại đoàn kết, 06 căn nhà tình thương, 06 căn nhà nhân ái với số tiền trên 1,4 tỷ đồng; xây dựng 05 cầu nông thôn trên 1,4 tỷ đồng và trên 1,6 tỷ đồng tiền mặt chuẩn bị cho các hoạt động chính thức cùng nhiều hoạt động ý nghĩa khác (dự kiến diễn ra vào cuối tháng 01/2024).

<sup>73</sup> Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/4/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

<sup>74</sup> Đáng chú ý: Xảy ra 01 vụ trộm cắp tài sản tại công trình thi công Cảng tổng hợp Định An tại thị xã Duyên Hải, tài sản thiệt hại khoảng 10 tấn sắt, giá trị khoảng 150 triệu đồng, thu hồi tài sản 110 triệu đồng. Qua đấu tranh, đã làm rõ khởi tố 01 bị can là nhân viên quản lý công trình, hiện đã tạm giam bị can cùng cố hồ sơ xử lý.



thương); 07 vụ đuối nước, 03 vụ cháy thiệt hại tài sản 932 triệu đồng (so với cùng kỳ không tăng, giảm).

### III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

- Lĩnh vực kinh tế: Sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn, mưa lớn gây ngập úng cục bộ một số diện tích rau màu và lúa chín chuẩn bị thu hoạch; giá tôm nguyên liệu còn thấp. Tỷ lệ tiêm phòng cho đàn vật nuôi một số bệnh nguy hiểm đạt thấp, chưa bảo hộ được cho đàn vật nuôi; dịch tả heo Châu Phi chưa được kiểm soát triệt để, khả năng sẽ ảnh hưởng đến việc tái đàn và ảnh hưởng đến tình hình phát triển chăn nuôi trong thời gian tới. Việc triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ đạt kết quả thấp và không có chuyển biến. Giá trị sản xuất và chỉ số phát triển công nghiệp trong tháng giảm so với tháng trước (giảm chủ yếu giá trị ở ngành sản xuất điện, sản lượng điện giảm hơn 222 triệu kWh), do một số nhà máy Nhiệt điện thực hiện tiêu tu theo kế hoạch, sản lượng huy động ít.

- Lĩnh vực văn hóa – xã hội: Tiến độ triển khai thực hiện công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá giàu chậm so với khung thời gian đề ra trong Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>(75)</sup>. Công tác triển khai thực hiện hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo thoát nghèo vượt chuẩn cận nghèo cuối năm 2022 theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh đến nay vẫn còn chậm<sup>(76)</sup>. Giải ngân vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm do tình thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nên địa bàn, đối tượng thụ hưởng chính sách bị thu hẹp.

- Lĩnh vực nội chính: Tai nạn giao thông vẫn còn tăng cả 03 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2022; tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền còn thấp do có nhiều đơn phức tạp qua nhiều thời kỳ, tranh chấp về đất đai nên quá trình xác minh gặp khó khăn.

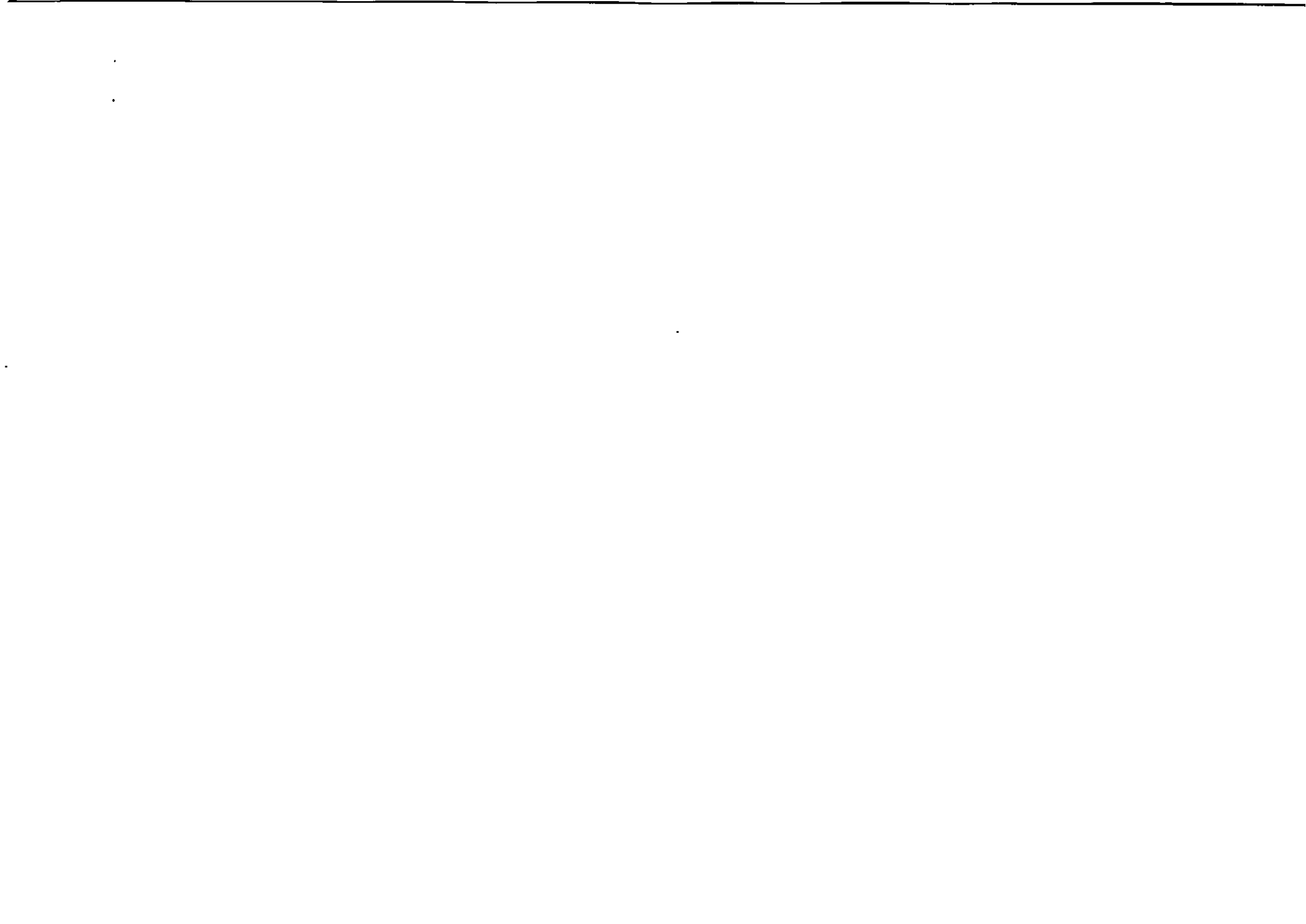
### IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 12/2023

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023; trong tháng 12, tập trung thực hiện các công tác trọng tâm sau:

1. Tập trung rà soát, dồn sức thực hiện các nhiệm vụ còn lại trong năm; chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2023 và giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2024. Tập trung xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng Kế hoạch thực hiện ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ sau chuyến thăm và làm việc với tỉnh. Hội nghị triển khai và giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

<sup>75</sup> Đến nay, công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đã thực hiện xong, có kết quả sơ bộ; tuy nhiên, công tác rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá giàu đến nay chỉ thực hiện đạt 65% so với tổng số hộ đưa vào danh sách rà soát.

<sup>76</sup> Đến nay toàn tỉnh còn 121 người trên địa bàn huyện Cầu Ngang chưa in thẻ do đi làm ăn xa, sai thông tin không có mã số, Ủy ban nhân dân xã đang xác minh lại.





2. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng, tập trung xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023 - 2024 theo khung lịch thời vụ; chủ động các biện pháp phòng, chống thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; chỉ đạo Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi vận hành hệ thống thủy lợi bảo đảm phục vụ cấp nước cho sản xuất. Tiếp tục khuyến cáo nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác. Tăng cường kiểm soát, kịp thời phát hiện, khống chế triệt để dịch tả heo Châu Phi. Theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản, hướng dẫn nông dân thả nuôi diện tích còn lại của năm 2023 và chuẩn bị tốt cho vụ nuôi 2023-2024. Tăng cường công tác tuyên truyền chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

Hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương công nhận huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới, huyện Cầu Kè, Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; tập trung rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu của các xã dự kiến đạt năm 2023. Chuẩn bị các nội dung tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Liên minh HTX tỉnh Trà Vinh (24/12/1993-24/12/2023). Quan tâm, hỗ trợ các cơ sở tham gia chương trình OCOP năm 2023.

3. Tập trung theo dõi, nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, HTX phục vụ thị trường cuối năm; quan tâm hỗ trợ đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử; đưa vào vận hành chính thức ứng dụng di động (Mobile Application) cho Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Trà Vinh. Tổ chức kết nối cung cầu hàng hóa tại tỉnh An Giang; Phiên chợ hàng Việt về nông thôn lồng ghép Tết dân quân năm 2024 tại thị xã Duyên Hải và tham gia Hội chợ ở Khu vực phía Bắc. Theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án điện gió, Hydro xanh, cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây. Hoàn chỉnh danh mục dự án kêu gọi đầu tư năm 2024. Báo cáo Kết quả thực hiện chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh PCI năm 2023. Tổ chức các hoạt động ngày hội khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023.

4. Rà soát, đôn đốc, huy động kịp thời các khoản thu còn thấp so với dự toán, nhất là thu thuế bảo vệ môi trường, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước, các loại phí, lệ phí...; tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn sản xuất cho thị trường cuối năm gắn với kiểm soát, xử lý nợ xấu. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn xây dựng cơ bản bảo đảm đạt yêu cầu kế hoạch, phần đầu trên 95%; tập trung quyết liệt giải ngân 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Chuẩn bị, tiếp và làm việc với đoàn công tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công tác quản lý nhà nước đối với Giáo dục thường xuyên, Giáo dục Tiểu học và quản lý chất lượng giáo dục. Kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục - xóa mù chữ năm 2023 tại 7 huyện, thị xã, thành phố. Hướng dẫn kiểm tra học kỳ I năm học 2023-2024 và hướng dẫn nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 11 năm học 2023-2024 đối với các cơ sở giáo dục phổ thông.

.

.

6. Tăng cường theo dõi, giám sát tình hình dịch bệnh trên người, nhất là bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ, đậu mùa khi. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tham gia BHXH, BHYT. Tăng cường tập huấn, phổ biến kiến thức ATTP cho người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, nhất là thời điểm cuối năm. Hoàn chỉnh và phát sóng Tiểu phẩm tuyên truyền, hướng dẫn xây dựng phát triển sản phẩm OCOP, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và phát triển thương mại điện tử trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh. Chấm điểm vòng sơ khảo và chung khảo Cuộc thi khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo năm 2023.

7. Tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá giàu năm 2023. Tổ chức các phiên giao dịch việc làm, Hội thảo, tư vấn giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp, nhà tuyển dụng với người lao động. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội, chính sách ưu đãi đối với người có công.

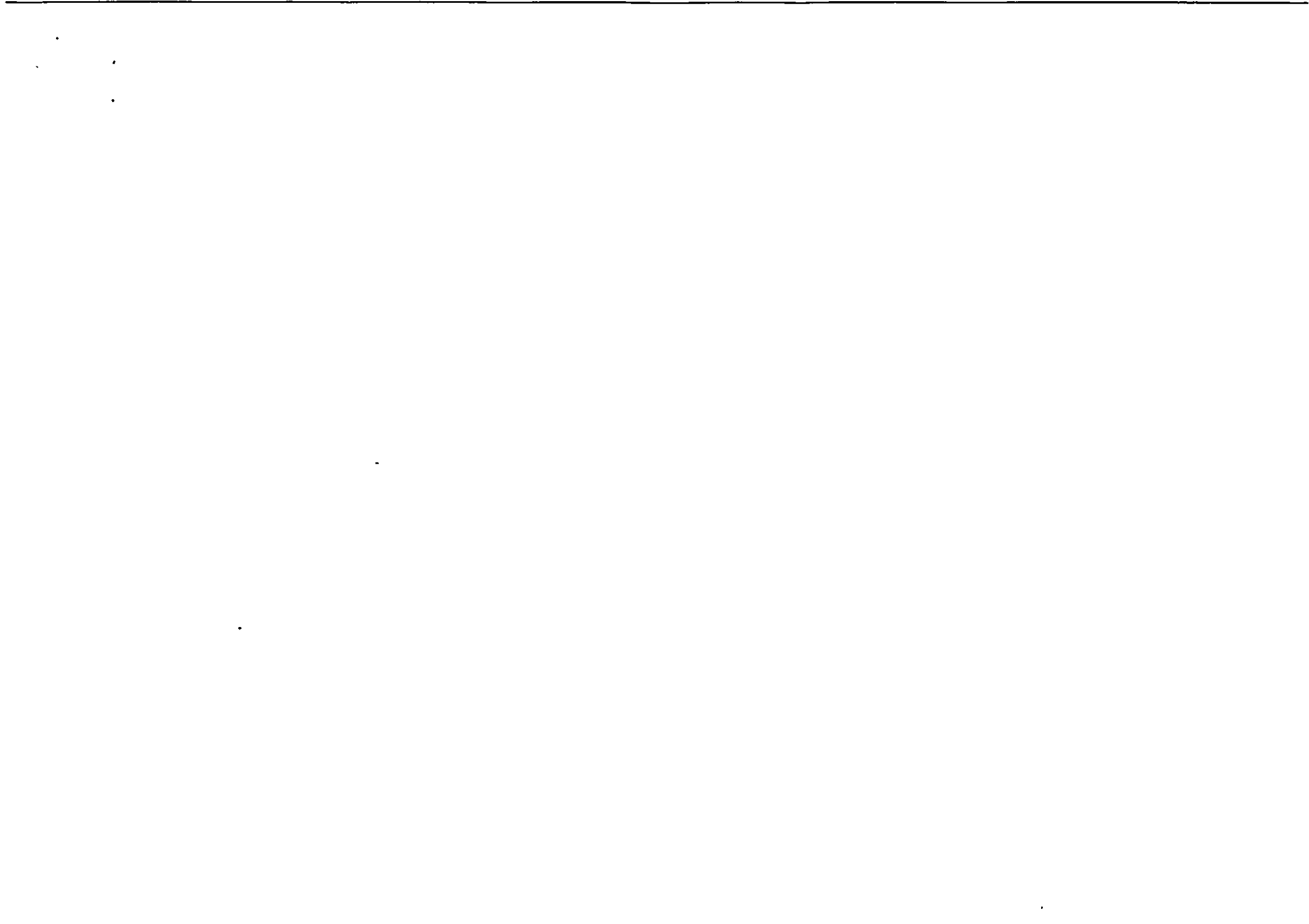
8. Thăm hỏi, chúc mừng các chức sắc, chức việc, các tôn giáo nhân dịp lễ Hạ nguồn, kỷ niệm Ngày Khai đạo Cao Đài và Lễ Thiên Chúa Giáng sinh năm 2023. Tổ chức tốt các hoạt động: kỷ niệm 55 năm ngày Trà Vinh được phong tặng danh hiệu “Toàn dân nổi dậy, Đoàn kết lập công” (20/12/1968-20/12/2023); kỷ niệm Ngày di sản Văn hóa Việt Nam; Liên hoan Ban vận động ấp, khóm văn hóa năm 2023 cấp tỉnh; . Xây dựng Kế hoạch tổ chức các giải thể thao mừng Đảng, mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024. Tổ chức thi đấu giải vô địch Cầu lông và giải Bì sắt tỉnh Trà Vinh mở rộng. Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch.

9. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện. Chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra về bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.

10. Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin, tập huấn kiến thức chuyển đổi IPv6, tập huấn chuyển đổi số cho Tổ công nghệ số cộng đồng. Tiếp tục chỉnh trang, làm gọn cáp viễn thông trên địa bàn. Giám sát an toàn thông tin mạng. Tăng cường sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 khi gửi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

11. Hoàn thành đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023. Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2024. Tổng hợp phiếu điều tra xã hội học của cán bộ, công chức và người dân, tổ chức; theo dõi công tác tự chấm điểm của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023.

12. Tiếp tục các đoàn thanh tra theo kế hoạch; thanh tra trách nhiệm thực



hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Thực hiện tốt việc tiếp công dân phục vụ Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 07/11/2023 của UBND tỉnh; giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng quy định các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh ngay từ cấp cơ sở.

**13.** Lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng phối hợp tuần tra, kiểm soát đảm bảo an toàn tuyệt đối. Quyết liệt thực hiện các biện pháp kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội, tăng cường tuần tra kiểm soát bảo đảm an toàn giao thông. Chuẩn bị tốt các bước tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2024; tổ chức các hoạt động “Tết Quân – Dân” năm 2024. / *1.11.24*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ KH&ĐT (b/c);
- Vụ IV-VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, Thị xã, thành phố;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. *04*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH** *1.11.24*



**Lê Văn Hân**





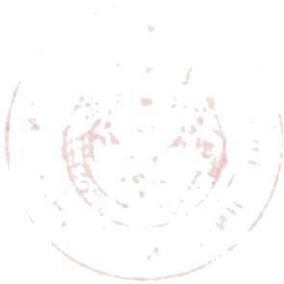
**Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	ƯTH 11 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>1</b>	<b>Tổng thu ngân sách</b>	Tỷ đồng	<b>12.155,303</b>	<b>12.886,418</b>	<b>1.861,994</b>	<b>14.921,257</b>	<b>115,79</b>	<b>122,76</b>
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4.806,754</i>	<i>5.701,000</i>	<i>404,403</i>	<i>5.176,368</i>	<i>90,80</i>	<i>107,69</i>
<b>2</b>	<b>Tổng chi ngân sách</b>	Tỷ đồng	<b>7.828,428</b>	<b>11.816,666</b>	<b>770,026</b>	<b>7.839,759</b>	<b>66,34</b>	<b>100,14</b>
<b>3</b>	<b>Số dự án đầu tư đăng ký mới<sup>(1)</sup></b>	Dự án	<b>6</b>		<b>0</b>	<b>10</b>		<b>166,67</b>
	- Số dự án trong nước	Dự án	5		0	9		180,00
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	12.821,10		0,00	930,61		7,26
	- Số dự án FDI	Dự án	1	5	0	1		100,00
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	3,00	70	0,00	2,50		83,33
<b>4</b>	<b>Phát triển doanh nghiệp<sup>(2)</sup></b>							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	459	<b>520</b>	59	520	100,00	113,29
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		285		36	313		109,82
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	5.511,0		204,00	4.684,0		84,99
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	1.039		64	754		72,57
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	4.602		27	5.664		123,08
	- Giải thể	DN	128		4	99		77,34

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	ƯTH 11 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ

(1) Đến nay toàn tỉnh có 378 dự án còn hiệu lực, trong đó có 38 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 2,99 tỷ USD và 339 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 163,81 nghìn tỷ đồng.

(2) Đến nay có 5.355 doanh nghiệp, vốn 70.646 tỷ đồng, 102.677 lao động (hiện có 2.899 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 54.244 tỷ đồng, 68.514 lao động) trong đó có 44 doanh nghiệp FDI.





Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>A</b>	<b>NÔNG NGHIỆP</b>							
	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	250,264	254,014	4,484	256,090	100.82	102.33
	* Cây lương thực có hạt							
	- Diện tích gieo trồng	ha	202,664	205,129	693	207,180	101.00	102.23
	- Diện tích thu hoạch	ha	137,606	205,129	16,396	141,576	69.02	102.88
	- Sản lượng	Tấn	763,543	1,113,848	87,095	792,688	71.17	103.82
<b>1</b>	<b>Lúa cả năm</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	199,044	201,429	220	203,364	100.96	102.17
	- Diện tích thu hoạch	Ha	134,446	201,429	13,178	138,876	68.95	103.29
	- Năng suất	Tấn/ha	5.55	5.43	5.29	5.59	103.04	100.84
	- Sản lượng	Tấn	745,692	1,093,313	69,748	776,724	71.04	104.16
<b>a</b>	<b>Lúa mùa</b>							
	- DT gieo sạ	Ha	1,090	1,142		1,142	99.97	104.79
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,090	1,142		1,142	99.97	104.79
	- Năng suất	Tấn/ha	4.78	4.42		4.42	100.03	92.53
	- Sản lượng	Tấn	5,206	5,048		5,048	100.00	96.97
<b>b</b>	<b>Vụ Đông Xuân</b>							
	- Diện tích xuống giống	Ha	63,326	62,059		62,059	100.00	98.00
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63,311	62,059		62,059	100.00	98.02
	- Năng suất	Tấn/ha	6.50	6.11		6.11	100.00	93.99
	- Sản lượng	Tấn	411,482	379,085		379,085	100.00	92.13
<b>c</b>	<b>Lúa Hè thu</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	69,967	69,970		68,409	97.77	97.77
	- Diện tích thu hoạch	Ha	69,967	69,970	5,892	68,390	97.74	97.75
	- Năng suất	Tấn/ha	4.70	5.10	5.21	5.17	101.37	110.03
	- Sản lượng	Tấn	328,721	356,816	30,695	353,538	99.08	107.55
<b>d</b>	<b>Lúa Thu đông</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	64,662	68,258	220	71,754	105.12	110.97
	- Diện tích thu hoạch	Ha	79	68,258	7,286	7,286	10.67	9,222.8
	- Năng suất	Tấn/ha	3.59	5.16	5.36	5.36	103.83	149.31
	- Sản lượng	Tấn	284	352,364	39,053	39,053	11.08	13,770.4
<b>2</b>	<b>Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	51,220	52,585	4,264	52,726	100.27	102.94
	- Diện tích thu hoạch	Ha	46,150	52,585	8,048	44,035	83.74	95.42
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	26.99	26.61	16.82	25.64	96.35	94.99
	- Sản lượng	Tấn	1,245,523	1,399,152	135,409	1,128,930	80.69	90.64
<b>a</b>	<b>Màu lương thực</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,800	5,970	668	6,098	102.15	105.14
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,936	5,970	3,627	4,487	75.16	90.90
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	9.88	10.12	6.69	10.66	105.35	107.89
	- Sản lượng	Tấn	48,777	60,417	24,274	47,840	79.18	98.08
	Trong đó:							
	+ Bấp:							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,620	3,700	473	3,816	103.14	105.42

T	T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	So sánh (%)
		- Diện tích thu hoạch	Ha	3,159	3,700	3,218	2,699	72,96	85,44
		- Năng suất	Tấn/ha	5,65	5,55	5,39	5,91	106,56	104,67
		- Sản lượng	Tấn	17,850	20,535	17,347	15,964	77,74	89,43
		+ <i>Khoai lang</i>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	1,250	1,300	1,82	1,395	107,28	111,57
		- Diện tích thu hoạch	Ha	994	1,300	1,92	1,012	77,88	101,83
		- Năng suất	Tấn/ha	17,12	16,89	17,41	17,45	103,33	101,95
		- Sản lượng	Tấn	17,021	21,957	3,342	17,670	80,48	103,81
		+ <i>Khoai mì</i>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	550	570	0	552	96,81	100,33
		- Diện tích thu hoạch	Ha	472	570	122	478	83,88	101,39
		- Năng suất	Tấn/ha	18,64	19,21	16,45	18,68	97,24	100,21
		- Sản lượng	Tấn	8,790	10,950	2,012	8,931	81,57	101,61
		+ <i>Cây có củ khác</i>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	380	400	13	336	83,93	88,34
		- Diện tích thu hoạch	Ha	311	400	94	297	74,33	95,53
		- Năng suất	Tấn/ha	16,44	17,44	16,74	17,74	101,73	107,91
		- Sản lượng	Tấn	5,116	6,975	1,573	5,274	75,62	103,09
	<b>b</b>	<b>Màu thực phẩm</b>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	31,088	32,575	1,501	29,864	91,68	96,06
		- Diện tích thu hoạch	Ha	28,113	32,575	3,059	26,846	82,41	95,49
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	21,66	22,31	21,87	22,43	100,52	103,54
		- Sản lượng	Tấn	608,958	726,781	66,882	602,080	82,84	98,87
		Trong đó:							
		+ <i>Rau màu các loại</i>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	30,618	32,100	1,496	29,387	91,55	95,98
		- Diện tích thu hoạch	Ha	27,679	32,100	2,937	26,388	82,21	95,34
		- Năng suất	Tấn/ha	21,97	22,61	22,69	22,78	100,75	103,69
		- Sản lượng	Tấn	608,099	725,781	66,634	601,123	82,82	98,85
		+ <i>Đậu các loại</i>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	470	475	5	477	100,52	101,59
		- Diện tích thu hoạch	Ha	434	475	122	457	96,28	105,40
		- Năng suất	Tấn/ha	1,98	2,11	2,03	2,09	99,42	105,71
		- Sản lượng	Tấn	859	1,000	248	957	95,72	111,42
<b>c</b>		<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	14,332	14,040	2,094	16,764	119,40	116,97
		- Diện tích thu hoạch	Ha	13,102	14,040	1,363	12,702	90,47	96,95
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	44,86	43,59	32,47	37,71	86,52	84,06
		- Sản lượng	Tấn	587,787	611,954	44,252	479,009	78,28	81,49
		Trong đó:							
		+ <i>Mía cây</i>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	1,350	1,300	24	1,434	110,33	106,24
		- Diện tích thu hoạch	Ha	1,192	1,300	65	1,297	99,80	108,84
		- Năng suất	Tấn/ha	97,35	97,82	96,97	99,63	101,85	102,34
		- Sản lượng	Tấn	116,053	127,166	6,304	129,265	101,65	111,38
		+ <i>Đậu phộng</i>							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	4,300	4,420	65	4,267	96,53	99,23

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,088	4,420	300	3,979	90.01	97.33
	- Năng suất	Tấn/ha	5.12	5.24	5.39	5.40	103.00	105.41
	- Sản lượng	Tấn	20,929	23,161	1,618	21,472	92.71	102.60
	+ <i>Cây lác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,500	2,570	181	2,510	97.67	100.41
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,289	2,570	560	2,294	89.24	100.18
	- Năng suất	Tấn/ha	12.48	11.82	12.21	11.97	101.30	95.94
	- Sản lượng	Tấn	28,573	30,377	6,838	27,460	90.40	96.11
	+ <i>Cây khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	6,182	5,750	1,825	8,552	148.74	138.35
	- Diện tích thu hoạch	Ha	5,532	5,750	437	5,132	89.26	92.77
	- Năng suất	Tấn/ha	76.32	75.00	67.42	58.61	78.15	76.79
	- Sản lượng	Tấn	422,233	431,250	29,492	300,812	69.75	71.24
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	80	50		50	100.00	62.50
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	310	116		116	100.00	37.42
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	3,435	3,490		3,349	95.95	97.49
<b>C</b>	<b>THỦY - HẢI SẢN:</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>208,419</b>	<b>244,550</b>	<b>15,334</b>	<b>219,670</b>	<b>89.83</b>	<b>105.40</b>
	Trong đó : - Tôm các loại	"	84,554	97,050	4,806	94,360	97.23	111.60
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	48,510	64,350	4,731	45,240	70.30	93.26
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	41,914	57,500	3,964	38,664	67.24	92.25
	Trong đó: - Tôm các loại	"	4,637	5,500	273	3,451	62.74	74.43
	- Cá các loại	"	22,877	29,500	2,340	22,315	75.64	97.54
	- Hải sản khác	"	14,400	22,500	1,351	12,898	57.33	89.57
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	6,596	6,850	767	6,576	96.00	99.70
	Trong đó: - Tôm các loại	"	420	550	34	624	113.53	148.53
	- Cá các loại	"	1,523	1,800	47	1,452	80.66	95.31
	- Thủy sản khác	"	4,652	4,500	686	4,500	99.99	96.72
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	159,910	180,200	10,603	174,430	96.80	109.08
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	86,650	98,000	5,420	97,305	99.29	112.30
	- Tôm sú	"	12,782	13,300	523	13,123	98.67	102.67
	- Tôm thẻ chân trắng	"	64,931	75,500	3,955	75,059	99.42	115.60
	- Cua biển	"	5,740	6,200	729	5,431	87.60	94.61
	- Thủy sản khác	"	3,197	3,000	213	3,692	123.07	115.48
	+ Vùng nước ngọt	"	73,260	82,200	5,183	77,125	93.83	105.28
	- Tôm càng xanh	"	1,784	2,200	21	2,103	95.59	117.87
	- Cá lóc	"	50,403	55,500	4,083	53,914	97.14	106.97
	- Cá tra, cá ba sa	"	9,043	7,000	161	11,608	165.82	128.36
	- Cá các loại	"	12,029	17,500	918	9,501	54.29	78.98
<b>2</b>	<b>Diện tích nuôi trồng thủy sản</b>	<b>Ha</b>	<b>58,987</b>	<b>52,100</b>	<b>1,270</b>	<b>60,248</b>	<b>115.64</b>	<b>102.14</b>
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	54,344	48,600	1,003	55,273	113.73	101.71
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	22,699	19,500	324	24,384	105.24	107.42

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Tôm thẻ chân trắng	"	8,122	8,300	199	7,250	89.53	89.26
	- Nuôi cua biển	"	23,295	20,000	480	23,106	97.28	99.19
	- Thủy sản khác	"	227	800		532	121.64	234.61
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	4,643	3,500	267	4,975	142.14	107.15
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	21,876		178	21,241		97.10
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1,733		68	1,437		82.92
	- Diện tích thả nuôi	Ha	22,699		324	24,384		107.42
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	692		37	763		110.30
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,509		35	1,551		102.82
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	199		10	138		69.11
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	13.21		27.41	8.88		67.21
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	19,208		679	17,511		91.17
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	3,126		155	2,708		86.63
	- Diện tích thả nuôi	Ha	8,122		178	7,250		89.26
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1,285		119	1,161		90.37
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	5,720		169	5,315		92.91
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	927		52	700		75.58
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	16.20		30.71	13.18		81.34

Phụ lục số 3 SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	ƯTH 11 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>A</b>	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)</b>	Tỷ đồng	<b>28,404.005</b>	<b>33,864.000</b>	<b>2,887.003</b>	<b>31,955.521</b>	<b>94.36</b>	<b>112.50</b>
	<i>(Có tính nhiệt điện)</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	11.546	14.000	1.068	13.156	93.97	113.94
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	13.891.200	17.100.000	1.455.469	14.845.640	86.82	106.87
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	Tỷ đồng	14.222.017	16.413.000	1.403.823	16.801.307	102.37	118.14
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	279.242	337.000	26.643	295.418	87.66	105.79
	<b>Sản phẩm chủ yếu:</b>							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	6,776	9,338	576	6,218	66.59	91.77
2	Đường kết	Tấn	8,192	7,000		6,886	98.38	84.06
3	Than hoạt tính	Tấn	6,576	6,000	355	5,414	90.23	82.33
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	1,192	1,832	92	1,178	64.33	98.83
5	May mặc(quần áo các loại)	1000chiếc	3,761	7,384	360	3,748	50.76	99.66
6	Thảm dệt các loại	1000m2	1,565	2,200	155	1,834	83.39	117.24
7	Nước sinh hoạt	1000m3	31,208	35,680	2,791	32,719	91.70	104.84
8	Gạo xay xát	Tấn	263,091	723,298	11,758	125,395	17.34	47.66
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	13,810	12,466	1,123	11,437	91.75	82.82
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	2,444	12,000	314	2,908	24.23	118.97
11	Giày thành phẩm	1000 đôi	4,871	7,500	590	5,206	69.41	106.88
12	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	1,115	1,150	106	1,149	99.93	103.04
13	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	10,325.8	12,616.6	1,300.7	14,308.0	113.41	138.57
	- Sản lượng nhiệt điện	Tr. Kwh	9,428.4	11,228.6	1,152.3	13,226.9	117.80	140.29
	- Sản lượng điện gió, điện mặt trời	Tr. Kwh	897.4	1,387.9	148.4	1,081.0	77.89	120.46
<b>B</b>	<b>TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH</b>	%	<b>99.48</b>	<b>99.60</b>		<b>99.61</b>	<b>100.01</b>	<b>100.13</b>
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	5,302	1,000	79	2,144	214.40	40.44
<b>C</b>	<b>TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ</b>	Tỷ đồng	<b>42,997.78</b>	<b>52,465.00</b>	<b>4,878.77</b>	<b>51,531.66</b>	<b>98.22</b>	<b>119.85</b>
	- Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	29,262.27	35,931.00	3,478.49	35,639.58	99.19	121.79
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	7,706.80	9,533.00	785.17	8,813.66	92.45	114.36
	- Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	24.64	21.00	3.19	43.07	205.09	174.81
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng	6,004.08	6,980.00	611.92	7,035.35	100.79	117.18

